



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009



Nha Trang, tháng 04 năm 2010

MỤC LỤC

Lịch sử hoạt động của Công ty	Trang 01
Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty	Trang 04
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty	Trang 08
Báo cáo tài chính đã kiểm toán	Trang 17
Bản giải trình Báo cáo kiểm toán	Trang 42
Các công ty có liên quan	Trang 47
Tổ chức và nhân sự	Trang 48
Thông tin cổ đông và quản trị Công ty	Trang 54

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Niềm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. Những sự kiện quan trọng:

a. Việc thành lập:

Ø Sở quản lý và phân phối điện Phú Khánh được thành lập theo quyết định số 3799 QĐ/TCCB ngày 14/4/1976 của Bộ điện và than. Từ tháng 4/1976 đến 1981: Sở Quản lý và Phân phối điện Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện lực Miền Trung - Bộ Điện và Than.

Ø Từ năm 1981 đến tháng 10/1989: đổi tên thành Sở Điện lực Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện Lực 3 - Bộ Năng lượng.

Ø Từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1993: đổi tên thành Sở Điện lực Khánh Hòa trực thuộc Công ty Điện lực 3 – Bộ Năng lượng (do tách hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa).

Ø Ngày 08/03/1996 đổi tên thành Điện Lực Khánh Hoà, trực thuộc Công ty Điện lực 3 - Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam theo Quyết định số 261/ĐVN/TCCB-LĐ của Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam.

b. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ø Ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Điện lực Khánh Hoà thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà.

Ø Ngày 01/07/2005 Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hoà chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ là 163.221.000.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% tương đương 83.242.800.000 đồng.

c. Niêm yết:

Ø Ngày 12/7/2005 Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội có quyết định số 06/QĐ-TTGDCKHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

Ø Ngày 08/12/2006 Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết số 107/UBCK-GPNY cho cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TP HCM, ngày 27/12/2006 cổ phiếu KHP của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm GDCK TP HCM.

Ø Ngày 05/09/2007 phát hành thêm và niêm yết bổ sung 1.086.986 cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2006 được miễn và chia cổ tức đợt 3 năm 2006: 10.869.860.000 đồng. Vốn điều lệ: 174.090.860.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% tương đương 88.792.320.000 đồng.

Ø Ngày 29/07/2009, Công ty phát hành thêm và niêm yết bổ sung 3.480.982 cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 được miễn, giảm năm 2008 và chia cổ tức đợt 3 năm 2008. Vốn điều lệ hiện tại của KHPC là 208.900.680.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty - tương đương 106.550.780.000 đồng.

2. Quá trình phát triển:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110 kV;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm điện có cấp điện áp đến 110 kV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110 kV và các công trình viễn thông;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện. Kinh doanh thiết bị viễn thông. Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy vi tính. Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê văn phòng;
- Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng. Kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet;
- Vận chuyển hàng hóa;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến dưới 110 kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4; Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110kV. Kiểm định công tơ điện;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trụ máy móc, thiết bị);

- Đại lý bảo hiểm;

b. Tình hình hoạt động:

Từ sau khi cổ phần hoá, Công ty đã tăng cường củng cố cơ cấu tổ chức và cải tiến phương pháp quản lý, sắp xếp gọn nhẹ bộ máy đảm bảo hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài lĩnh vực kinh doanh điện năng, Công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực khác như đại lý kinh doanh viễn thông công cộng, kinh doanh vật tư thiết bị điện, tư vấn và thi công xây lắp các công trình điện, góp vốn thành lập các công ty cổ phần đầu tư thủy điện nhỏ, chế tạo thiết bị điện, sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm dự ứng lực, bất động sản, chứng khoán,...

Kết quả kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng, vượt mức kế hoạch lợi nhuận Đại hội cổ đông giao, tình hình hoạt động của Công ty ổn định và phát triển tốt.

3. Định hướng phát triển:

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Cung cấp điện ổn định, đầy đủ cho nhu cầu khách hàng sử dụng điện trên địa bàn Công ty quản lý. Tăng cường công tác phát triển khách hàng, cải tạo và phát triển lưới điện, phấn đấu giảm tổn thất điện năng, mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ khách hàng sử dụng điện nhằm tăng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty một cách bền vững. Xây dựng Công ty trở thành công ty phân phối điện dẫn đầu trong khu vực Nam Trung Bộ và Tây nguyên với ba lĩnh vực chính: *Kinh doanh điện năng, viễn thông, xây lắp và các dịch vụ về điện*, trong đó kinh doanh điện năng tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, viễn thông và xây lắp, các dịch vụ về điện chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu doanh thu của Công ty

- Xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả ở các lĩnh vực tiềm năng như kinh doanh dịch vụ điện, viễn thông công cộng, sử dụng có hiệu quả lợi thế về vốn và vị trí địa lý các mặt bằng Công ty đang quản lý trong hoạt động về tài chính và bất động sản.

- Mở rộng liên doanh đầu tư chiến lược vào các ngành nghề mới như sản xuất thiết bị điện, đầu tư xây dựng thủy điện nhỏ ...

b. Chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn:

- **Giai đoạn 2010 - 2011:** tập trung cải tạo lưới điện để nâng cao năng lực cấp điện và giảm tổn thất điện năng một cách bền vững, xây dựng và tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư ưu đãi cho các dự án điện các khu kinh tế trọng điểm của Tỉnh Khánh Hoà. Phát huy hiệu quả các ngành nghề đang kinh doanh, đảm bảo ổn định mức lợi nhuận cho công ty. Củng cố nội lực để chuẩn bị cho hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi nền kinh tế hồi phục và phát triển.

- **Giai đoạn 2011 - 2015:** Dự báo sản lượng điện thương phẩm toàn tỉnh Khánh Hòa sẽ đạt gần 2 tỷ kWh, tăng trưởng ổn định ở mức 12%-15%/năm. Trên cơ sở này, Công ty sẽ tập trung đầu tư phát triển lưới điện để cấp điện cho các khách hàng trọng điểm (khu công nghiệp, khu du lịch, khu kinh tế trọng điểm ...), chủ động trong việc xây dựng phương án giá mua bán điện khi thị trường điện hình thành.

Tham gia đầu tư kinh doanh trên các lĩnh vực tiềm năng và lợi thế của Công ty như: đầu tư và khai thác nguồn thủy điện nhỏ, sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, bất động sản, du lịch, công nghệ thông tin, sản phẩm bê tông ly tâm dự ứng lực ... Mở rộng đầu tư dự án cụm Khách sạn Nha Trang Power Hotel và chung cư cao cấp tại 28 Trần Phú

(Tự do), Vĩnh Nguyên, Nha Trang và dự án cụm cao ốc tổng hợp Nha Trang Power Tower tại 11 Lý Thánh Tôn, Nha Trang.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009:

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa hiện là Công ty phân phối kinh doanh điện đầu tiên và duy nhất đến thời điểm này của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện cổ phần hóa. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng, cung cấp điện cho toàn bộ khách hàng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. nên tốc độ tăng trưởng các ngành nghề kinh tế của địa phương có tác động đáng kể đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2009, tốc độ tăng trưởng điện năng của tỉnh Khánh Hòa đạt cao nhất trong các năm gần đây, tăng 9,12% so với năm 2008, cao hơn năm 2008 (7%), năm 2007 (5,5%). Kinh tế trong Tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo cơ cấu dịch vụ - du lịch 43,32%, công nghiệp - xây dựng 41,71%, nông - lâm - thủy sản 14,97%, điều này đã tác động đến cơ cấu tỷ trọng các thành phần phụ tải của Công ty. Tình trạng thiếu nguồn điện của hệ thống điện quốc gia năm 2009 không xảy ra như năm 2008 đã giúp cho Công ty tăng đáng kể sản lượng điện thương phẩm bán cho khách hàng, đáp ứng tốt nhu cầu về điện cho phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Mặc dù năm 2009 nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế toàn cầu đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua được những khó khăn, đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, ổn định. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 61,089 tỷ đồng (đạt 197,39% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 46,04 tỷ đồng (đạt 198,35% so với kế hoạch).

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu năm 2009:

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	208,9	208,9	100,00%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,948	61,089	197,39%
- Lợi nhuận sản xuất điện	Tỷ đồng	14,636	37,307	254,90%
- Lợi nhuận sản xuất khác	Tỷ đồng	16,312	23,782	145,79%
3. Thuế TNDN	Tỷ đồng	7,737	15,049	194,51%
- Được miễn	Tỷ đồng	3,868	10,756	278,08%
- Phải nộp	Tỷ đồng	3,869	4,293	110,96%
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	23,211	46,040	198,35%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm :

a. Về việc tăng vốn điều lệ:

Ngày 29/7/2009, Công ty phát hành thêm và niêm yết bổ sung 3.480.982 cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 được miễn, giảm năm 2008 và chia cổ tức đợt 3 năm 2008 để chi trả cho tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa tiếp nhận. Vốn điều lệ tăng từ 174.090.860.000 đồng lên 208.900.680.000 đồng.

Cuối năm 2009, Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành tiến hành xây dựng Bản cáo bạch và các thủ tục có liên quan gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước để xin cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thường niên 2009 thông qua. Ngày 23/11/2009, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 458/UBCK-GCN cho cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty. Đồng thời, Công ty đã thực hiện việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược là Tập đoàn Điện lực Việt Nam để đảm bảo tỷ lệ 51% chi phối tại Công ty sau khi chào bán cho CBCNV Công ty:

- Tổng số cổ phần chào bán: 21.088.639 cổ phần, trong đó:
 - + Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1: 20.890.068 cổ phần
 - + Chào bán cho CBCNV Công ty: 97.300 cổ phần.
 - + Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược (EVN): 101.271 cổ phần
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 27/01/2010, Công ty đã kết thúc đợt chào bán với số cổ phần đã phân phối là 20.661.228 cổ phần chiếm 97,97% tổng số cổ phần được phép chào bán. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán 206.612.280.000 đồng sẽ được sử dụng để chi trả cho tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa tiếp nhận. Vốn điều lệ mới của Công ty là 415.512.960.000 tỷ đồng.

b. Những khoản đầu tư trong năm:

Trong năm 2009, căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các Công ty cổ phần có tham gia góp vốn, Công ty đã cân đối và chi tiếp tục đầu tư góp vốn thêm vào một số Công ty liên kết khác như:

✓ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa:

Tiếp tục tham gia góp vốn theo tiến độ cam kết vào Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm ĐLKH (KPCECO), góp vốn 1,55 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 4,65 tỷ đồng. Đến nay KPCECO đã xây dựng xong nhà máy bê tông dự ứng lực và đã đi vào hoạt động.



Nhà máy Bê tông ly tâm dự ứng lực trước

▼ Góp vốn vào Công ty CP Thiết bị Điện VINASINO (VSEE JSC):

Góp vốn 2,8875 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 2,8875 tỷ đồng.

▼ Góp vốn vào Công ty Đầu tư Điện lực 3:

Góp vốn 2,8875 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 2,8875 tỷ đồng.

Các lĩnh vực đầu tư khác:

▼ Lĩnh vực cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng:

Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các giải pháp, phương thức kinh doanh hiệu quả nhằm đem lại lợi nhuận cho Công ty. Công ty đã xây dựng được 42 trạm BTS phát sóng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, 470 km cáp quang, 9 km cáp đồng, 9 thiết bị tập trung thuê bao Internet qua ADSL (DS-LAM), 01 thiết bị tập trung thuê bao Internet qua THC (CMTS) ... Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mạng cung cấp dịch vụ 3G đang được triển khai với quy mô xây mới 11 trạm, mở rộng lắp đặt thêm thiết bị cho 33 trạm còn lại để chuẩn bị cung cấp dịch vụ 3G dự kiến trong tháng 5/2010.

▼ Tăng tỷ lệ vốn góp vào Công ty cổ phần thủy điện Sông Chò:

Tăng tỷ lệ góp vốn giữ cổ phần chi phối tại Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò (từ 20% lên 45 %) để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Sông Chò 2 (7 MW) và Nhà máy thủy điện Sông Chò 1 (11 MW).

▼ Góp vốn vào Công ty Cổ phần bất động sản EVNLand Nha Trang:

Trong năm 2009, Công ty tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BĐS EVNLand Nha Trang để thực hiện đầu tư xây dựng khu Resort tại khu du lịch Bắc bán

đảo Cam Ranh với số vốn góp là góp vốn 4,845 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 10,845 tỷ đồng.

4. Triển vọng và kế hoạch tương lai:

- Công ty thực hiện cải tạo, đầu tư xây dựng lưới điện 110kV và lưới điện trung, hạ áp nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định và đầy đủ cho nhu cầu sử dụng của khách hàng trong địa bàn Tỉnh. Đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành đường dây nhánh rẽ và TBA 110kV Nam Cam Ranh cấp điện cho Nhà máy nghiên xi măng Cam Ranh. Chuẩn bị đầu tư xây dựng đường dây và TBA Khu kinh tế Vân Phong, khu công nghiệp Ninh Thủy.

- Hoàn thành kế hoạch tiếp nhận lưới điện quân đội trên địa bàn Công ty quản lý.

- Tổ chức xây dựng phương án mở rộng và phát triển sản xuất của Xí nghiệp Cơ điện – Thí nghiệm nhằm nâng cao năng lực hoạt động cơ khí điện lực của Xí nghiệp đáp ứng cho yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nghiên cứu và chuẩn bị đầu tư dài hạn các dự án:

+ Dự án cụm Khách sạn Nha Trang Power Hotel và chung cư cao cấp tại 28 Trần Phú (Tự do), Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Nguyên đây là Nhà máy điện diesel của Công ty, nằm ven biển Nha Trang, diện tích khu đất là 14.500 m². Nhà máy này Công ty đã ngưng hoạt động vì gây ô nhiễm môi trường. Công ty sẽ đầu tư xây dựng một khách sạn 3 - 4 sao khoảng 250 – 300 phòng, và cụm chung cư cao cấp. Tổng vốn đầu tư cho toàn bộ dự án dự kiến khoảng 1.500 tỷ đồng. Vốn đầu tư chủ yếu là vốn vay và vốn huy động của khách hàng (bán căn hộ chung cư sau khi đầu tư hạ tầng). Thời gian đầu tư xây dựng 2011 – 2014.

+ Dự án cụm cao ốc tổng hợp Nha Trang Power Tower tại 11 Lý Thánh Tôn, Nha Trang. Hiện đây là trụ sở của Công ty, nằm ở trung tâm thành phố Nha Trang, diện tích 5.500 m². Công ty dự kiến xây dựng thành cụm cao ốc thương mại tổng hợp, các tầng 1-3 là trung tâm thương mại, tầng 4 - 7 là cụm văn phòng cho thuê, tầng 8 trở lên là căn hộ cao cấp để bán và cho thuê dài hạn. Dự kiến vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng. Thời gian đầu tư xây dựng 2013 -2015.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản cố định & đầu tư dài hạn/Tổng tài sản		70,85%	58,56%
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản		29,15%	41,44%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		70,51%	69,40%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		29,49%	30,60%
3	Khả năng thanh toán	lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,44	1,06
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,71	1,21
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản		6,58%	7,20%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		5,31%	4,91%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH		19,18%	19,70%

Phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

- Cơ cấu tài sản năm 2009 so với năm 2008 có sự chuyển dịch: năm 2009 tỷ lệ tài sản cố định và đầu tư dài hạn/tổng tài sản giảm hơn năm 2008, tài sản lưu động/tổng tài sản năm 2009 so với năm 2008 tăng lên là do năm 2009 Công ty để lại khấu hao tài sản cố định để thanh toán các khoản nợ vay tài trợ cho tài sản lưới điện 110kV đến hạn trả vào đầu năm 2010.

- Vì các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả của lưới điện 110kV được chuyển từ nợ dài hạn sang nợ ngắn hạn nên các khoản nợ ngắn hạn tăng, dẫn đến hệ số khả năng thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành của năm 2009 thấp hơn năm 2008. Tuy nhiên, các chỉ số này đều lớn hơn 1 chứng tỏ Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán.

- Năm 2009, chi phí vật liệu điện, nhiên liệu và các chi phí khác tăng cao nên chi phí đầu vào tăng trong khi giá bán điện do Nhà nước quy định được giữ ổn định nên tỷ suất lợi nhuận/doanh thu thuần giảm so với năm 2008. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu đều tăng hơn năm 2008, điều này cho thấy trong năm 2009 Công ty đã tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả hơn năm 2008.

Ø Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009: Tổng tài sản của Công ty vào thời điểm 31/12/2009 là **848.760.199.808 đồng**;

Ø Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2009 là **208.900.680.000 đồng**.

Ø Những thay đổi về vốn cổ đông:

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Phương thức tăng vốn	Vốn điều lệ (đồng)
Khi thành lập 7/2005			163.221.000.000

Lần 1: 09/2007	10.869.860.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 15:1 cho cổ đông	174.090.860.000
Lần 2: 7/2009	34.809.820.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 5:1 cho cổ đông	208.900.680.000

Ø Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

Cổ phiếu phổ thông: **20.890.068** cổ phiếu.

Ø Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: không có

Ø Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Cổ phiếu phổ thông : **20.890.068** cổ phiếu.

Ø Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: không có

Ø Cổ tức:

+ Trong năm 2009, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2008 với tỷ lệ 6% bằng tiền mặt trên vốn điều lệ 174.090.860.000 đồng với số tiền là 10.445.451.600 đồng. Đồng thời thực hiện việc chia cổ tức đợt 3 năm 2008 bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng từ nguồn thuế TNDN năm 2007 được miễn và thuế TNDN năm 2008 được giảm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1 (5 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu thưởng).

+ Tính đến thời điểm 31/12/2009, Công ty đã trả cổ tức đợt 1 năm 2009 cho cổ đông là 5%/vốn điều lệ (với số tiền là 10.455.034.000 đồng). Dự kiến Công ty sẽ chi trả cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt cho cổ đông sau khi ĐHCĐ thường niên 2010 thông qua mức cổ tức năm 2009.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành	so với năm 2008
I. Sản xuất điện					
1. Điện mua và điện phát	Tr.kWh	1.003,800	1.025,786	102,19%	109,10%
1.1 Điện phát	Tr.kWh	0,300	0,131	43,67%	48,88%
1.2 Điện mua	tr.kWh	1.003,500	1.025,655	102,21%	109,12%
2. Điện thương phẩm (điện bán)	tr.kWh	934,300	953,094	102,01%	109,12%
3. Tỷ lệ tổn thất điện năng (*)	%	6,9	6,9		- 0,03%
4. Giá bán điện bình quân	đ/kWh	983,500	1.014,110	+ 30,61	+ 116,43
5. Doanh thu bán điện (chưa có VAT& kể cả CSPK)	Tỷ đồng	918,850	969,243	105,49%	123,20%
6. Lợi nhuận sản xuất điện	Tỷ đồng	14,636	37,307	254,90%	102,9%
II. Sản xuất khác					
1. Lợi nhuận sản xuất khác (**)	Tỷ đồng	16,312	23,782	145,79%	145,96%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,948	61,089	197,39%	116,25%
IV. Thuế TNDN	Tỷ đồng	7,737	15,049	194,51%	80,48%
1. Được miễn	Tỷ đồng	3,869	4,293	110,97%	
2. Phải nộp	Tỷ đồng	3,869	10,756	278,04%	
V. Lợi nhuận sau thuế (***)	Tỷ đồng	23,211	46,040	198,35%	136,00%

Ghi chú: (*) Giá bán điện bình quân năm 2009 tăng cao so với năm 2008 do tăng giá bán điện của Chính phủ vào tháng 02/2009.

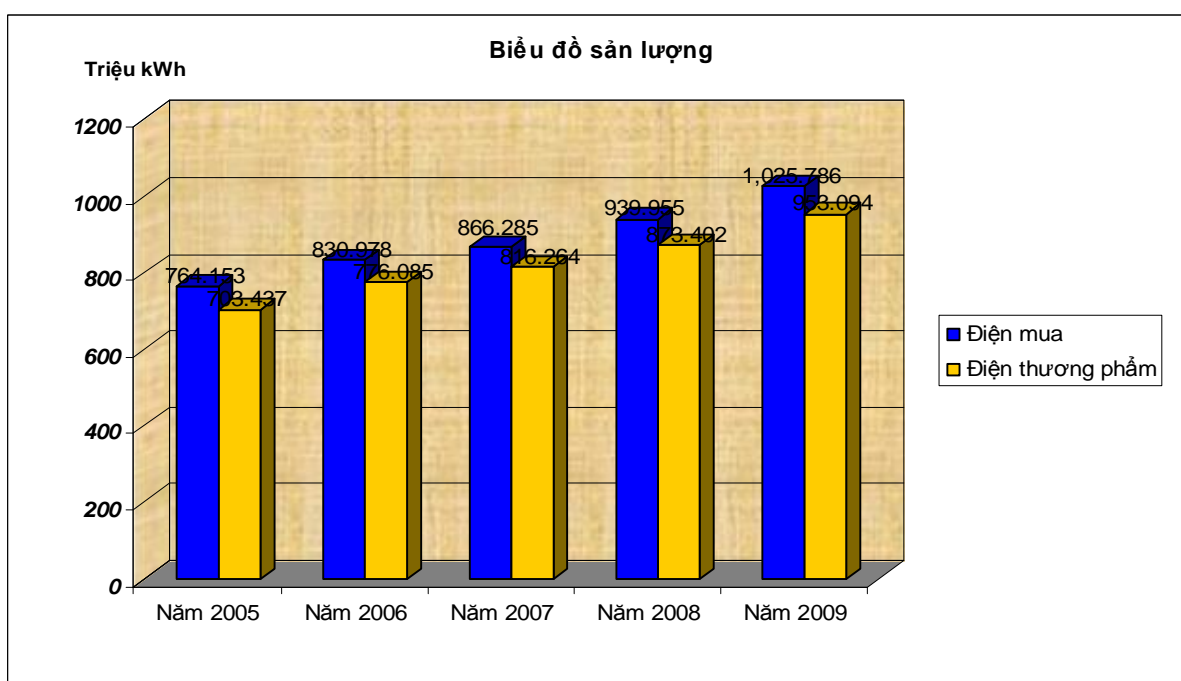
(**) Sản xuất khác bao gồm: xây lắp, khảo sát, mắc dây đặt đèn, thuê bao, nhượng bán vật tư, thanh lý vật tư thu hồi, hoạt động tài chính ...

(***) Lợi nhuận sau thuế không bao gồm thuế TNDN năm 2009 được giảm.

a. Về hoạt động sản xuất điện:

Trong năm 2009, sự ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động đến nền kinh tế trong nước trong nửa đầu năm đã làm ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động SXKD của Công ty. Tuy nhiên, sự phục hồi của nền kinh tế trong nước cũng như của Tỉnh Khánh Hòa giai đoạn nửa cuối năm 2009 đã góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được những kết quả khả qua. Sản lượng điện thương phẩm đạt 102,01 % so với kế hoạch và tăng 9,12% so với năm 2008 do các nguyên nhân:

- Tình hình thiếu nguồn điện không xảy ra và Công ty không thực hiện việc tiết giảm nguồn điện. Đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu về điện cho khách hàng.
- Khách hàng lớn là Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang tăng hoạt động sản xuất kinh doanh, sản lượng điện tiêu thụ tăng 4,99% so với năm 2008.
- Sản lượng điện tiêu thụ của các thành phần kinh tế tăng cao so với năm 2008 như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (tăng 65,51%), thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng (tăng 26,06%).
- Đầu tháng 7/2009 Công ty đã ký hợp đồng mua bán điện kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Vinpearl Land Nha Trang với sản lượng điện năng tiêu thụ lớn, trung bình 1,4 triệu Kwh/tháng.
- Một số dự án đã đi vào sử dụng: Kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong, Trạm phân phối xi măng của tổng Công ty Xi măng Nghi Sơn.



- Doanh thu bán điện thực hiện (chưa có thuế VAT và kể cả doanh thu bán công suất phản kháng): 969,243 tỷ đồng, đạt 105,49% so với kế hoạch, tăng 23,2% so với năm 2008;

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã đề ra những biện pháp kịp thời giải quyết có hiệu quả nên các chỉ tiêu về hoạt động SXKD trong năm 2009 đã đạt được những kết quả cao so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra:

- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 61,089 tỷ đồng, bằng 197,39% kế hoạch, tăng 16,25% so với năm 2008.

Các nguyên nhân đã góp phần quan trọng cho Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra như:

- **Về chi phí sản xuất:** Thực hiện tốt việc giảm chi phí sản xuất kinh doanh điện: chi phí sản xuất 01 kwh điện thương phẩm (sau khi đã loại trừ tiền lương và chi phí điện mua của EVN) tiết kiệm được 19 đồng so với kế hoạch, làm tổng chi phí tiết kiệm được 18,3 tỷ đồng. Đặc biệt là giảm chi phí mua điện ngoài của Nhà máy Thủy điện EAKrongGrou và Nhà máy Đường Cam Ranh do điều hành hệ thống điện hợp lý. Giảm chi phí sửa chữa lớn do sử dụng vật tư thiết bị thu hồi còn chất lượng tốt nên giảm chi phí mua sắm mới và tiết kiệm các chi phí trong sản xuất kinh doanh.

- Về chỉ tiêu tổn thất điện năng:

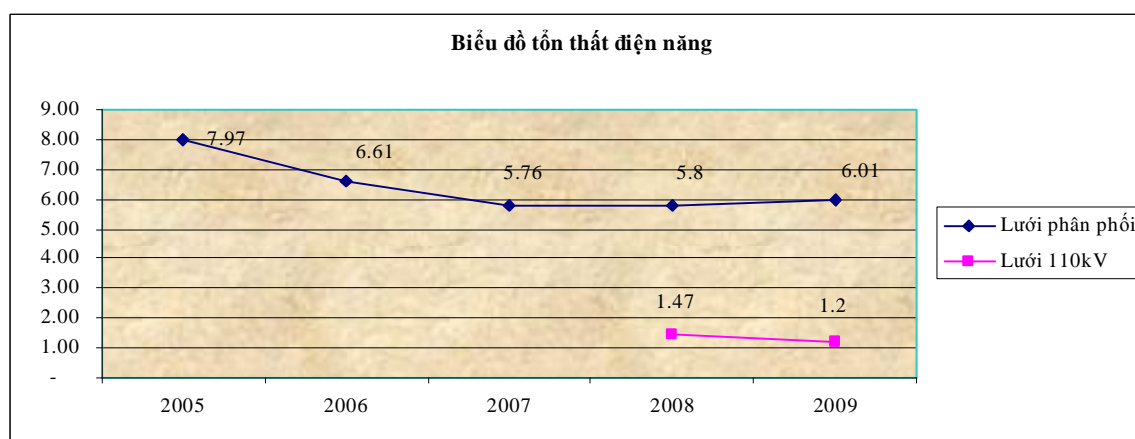
Trong năm 2009, Công ty đã thực hiện tốt chỉ tiêu về tổn thất điện năng, thực hiện 6,9% bằng với kế hoạch đề ra. Công ty đã đề ra được nhiều biện pháp để giảm tổn thất điện năng đến mức có thể. Tổ chức thực hiện công tác hiệu suất khu vực, công tác phân tích số liệu và thực hiện có hiệu quả các hạng mục đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn nhằm giảm tổn thất điện năng ở các khu vực.

Sau khi tiếp nhận và quản lý vận hành lưới điện 110kV Khánh Hòa được 02 năm, công tác quản lý vận hành luôn được Công ty quan tâm đặc biệt. Vì vậy, điện áp vận hành và công suất phản kháng tại các TBA 110kV luôn được duy trì theo dõi vận hành hợp lý, chủ động đóng cắt các giàn tụ bù tập trung. Tỷ lệ tổn thất điện năng của lưới điện 110kV năm 2009 đã giảm còn 1,20% (năm 2008 là 1,47%).

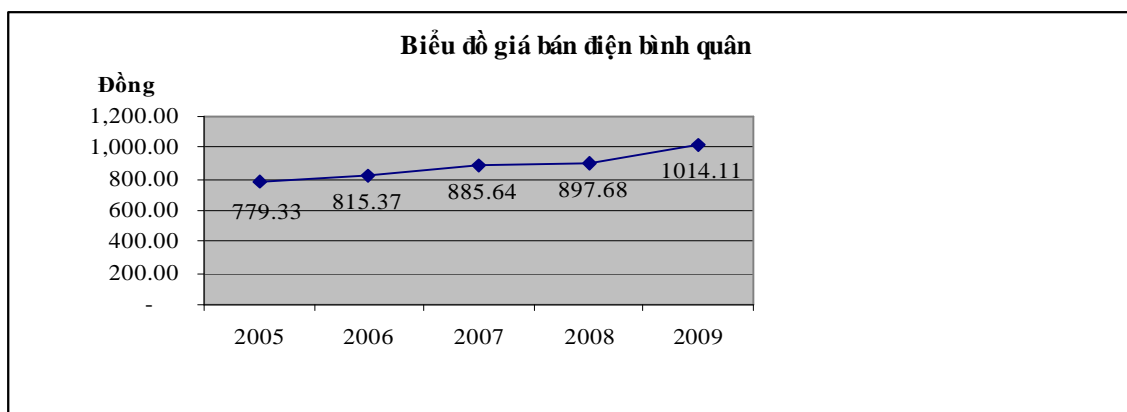
Tuy nhiên, tổn thất điện năng của khu vực lưới phân phối tăng 0,21% so với năm 2008 do nguyên nhân:

+ Các phụ tải công nghiệp tại các khu vực Ninh Hòa, Cam Ranh, Nha Trang phát triển nhanh là tăng sản lượng điện truyền dẫn trên lưới trung áp đã làm tăng tỷ lệ tổn thất.

+ Các phụ tải ở khu vực nông thôn tăng cao trong khi hệ thống lưới điện ở khu vực này chưa cải tạo nâng công suất kịp thời.



- Về chỉ tiêu giá bán điện bình quân:



Giá bán bình quân năm 2009 thực hiện 1.014,11 đồng/kWh tăng 30,61 đồng/kWh so với kế hoạch và tăng 116,43 đồng/kWh so với năm 2008. Nguyên nhân chủ yếu của việc tăng giá bán bình quân của Công ty do:

- + Đầu năm 2009, Thủ tướng chính phủ có quyết định tăng giá điện (tăng 8,92 % so với mức giá cũ)
- + Công ty đã ký kết được hợp đồng mua bán điện kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Vinpearl Land Nha Trang (giá bán điện bình quân 1.731,94 đồng/kWh).
- + Tăng cường công tác lắp đặt công tơ điện tử 3 giá cho các khách sạn, nhà hàng sử dụng điện lớn.
- + Tăng cường công tác kiểm tra, áp giá đúng đối tượng sử dụng điện cho khách hàng.
- + Có sự dịch chuyển cơ cấu các thành phần kinh tế từ nông, lâm nghiệp, thủy sản sang công nghiệp, thương mại, du lịch và ánh sáng sinh hoạt.

- Về hoạt động sản xuất khác:

Lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh khác như: xây lắp, khảo sát thiết kế, mắc dây đặt đèn, cho thuê tài sản, sản phẩm BTLT, hoạt động tài chính ... đã đem lại lợi nhuận 23,782 tỷ đồng.

Năm 2009 Công ty tiếp tục giữ việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho cổ phiếu Công ty CK Hà Thành với số tiền 11,25 tỷ đồng.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

a. Cơ cấu tổ chức:

Trong năm 2009, Công ty đã có những cải tiến sắp xếp lại cơ cấu tổ chức cho gọn nhẹ, hợp lý nhằm giảm bớt đầu mối quản lý và bố trí cán bộ quản lý phù hợp hơn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý điều hành của Công ty:

- Giải thể và sáp nhập phòng Đầu tư vào các phòng ban chứng năng khác.
- Giải thể Điện lực Khánh Vĩnh và sáp nhập vào Điện lực Diên Khánh để thành lập Điện lực Diên Khánh Khánh – Vĩnh. Giải thể Điện lực Khánh Sơn và sáp nhập vào Điện lực Cam Ranh để thành lập Điện lực Cam Ranh – Khánh Sơn.

Việc tiếp nhận và quản lý vận hành toàn bộ đường dây và trạm biến áp 110kV Khánh Hòa một cách an toàn và ổn định với phương thức vận hành kết lưới hợp lý, áp

dụng công nghệ điều khiển trạm biến áp tích hợp từ xa (bán người trực) đã làm giảm đáng kể tỷ lệ tổn thất điện năng của lưới điện 110kV và giảm bớt lực lượng vận hành trạm biến áp, góp phần tăng năng suất lao động của Công ty. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển khách hàng ở cấp điện áp 110kV cũng như thúc đẩy phát triển nhanh hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng của Công ty trong thời gian đến. Đã đưa vào vận hành trạm bán người trực tại trạm biến áp 110kV Bình Tân từ tháng 7/2009 và dự kiến sẽ triển khai mô hình này tại các trạm biến áp 110kV của Công ty nhằm nâng cao tính hiện đại và tăng năng suất lao động trong dây chuyền sản xuất kinh doanh điện năng



Trạm biến áp 110kV Bình Tân

b. Chính sách quản trị:

- Công ty tiếp tục áp dụng Quy chế Quản trị Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT nhằm tăng cường sự phối hợp trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban hành các quy chế nội bộ để thống nhất quản lý trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động SXKD, xác định rõ ràng, đầy đủ nhiệm vụ của từng đơn vị trong bộ máy quản lý của Công ty.

- Thực hiện tốt hệ thống qui trình qui phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật trong công tác quản lý kỹ thuật, vận hành lưới điện, công tác kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động. Các nhiệm vụ công việc trong Công ty đều có qui trình nhiệm vụ. Công ty đang rà soát để sửa đổi qui chế phân cấp quản lý trong Công ty nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị trực thuộc Công ty.

- Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức trả lương gắn với năng suất chất lượng và hiệu quả công việc, khuyến khích người lao động tích cực nâng cao năng suất lao động, hiệu quả làm việc. Ngoài ra, để động viên tinh thần làm việc, nâng cao năng suất

lao động của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như toàn thể CBCNV trong Công ty, Công ty đã ban hành và áp dụng Quy chế khen thưởng và kỷ luật CBQL điều hành Công ty.

- Năm 2009, Công ty tiếp tục duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị cũ và thực hiện chuyển đổi, nâng cấp lên phiên bản TCVN ISO 9001:2008. Tiếp tục xây dựng mới Hệ thống quản lý chất lượng cho 06 đơn vị còn lại trong Công ty. Ngày 14/01/2010 Công ty đã được cấp giấy chứng nhận TCVN ISO 9001:2008 / ISO 9001:2008 của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp Quacert thuộc Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có giá trị từ ngày 14/01/2010 đến ngày 05/01/2012 cho lĩnh vực: **“ Quản lý, vận hành lưới điện và kinh doanh điện năng; Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng; Thí nghiệm điện; Xây lắp công trình điện. “**

- Công ty rất quan tâm đến công tác đào tạo nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng, ban hành các quy định về tổ chức bồi dưỡng nghề, giữ và thi nâng bậc cho đội ngũ công nhân kỹ thuật. Trên cơ sở xác định con người là yếu tố chính quyết định thành bại trong sản xuất kinh doanh, những năm qua Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Thường xuyên tổ chức và tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn do ngành điện và các trường đại học tổ chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV. Hiện nay, Công ty rất chú trọng đến đào tạo nguồn nhân lực quản lý cấp cao là đội ngũ cán bộ quản lý với các chương trình như đào tạo cao học chuyên ngành điện và kinh tế, cử cán bộ tham gia các lớp CEO, kế toán trưởng doanh nghiệp ... để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại cũng như tương lai. Hiện nay Công ty có 07 người có trình độ trên đại học và hiện đang có 08 người đang học trên đại học.

- Phối hợp Ban chấp hành Công đoàn Công ty tổ chức Hội nghị người lao động các đơn vị và toàn Công ty để bàn biện pháp thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2009, ký kết thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, thông qua quy chế sử dụng quỹ phúc lợi.

- Bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm chi phí trong các hoạt động đấu thầu mua sắm hàng hoá, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, đầu tư xây dựng ...

c. Kiểm soát nội bộ:

Nhằm tăng cường công tác kiểm tra phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi dụng chức vụ để thu vén tư lợi, chấn chỉnh các sai phạm trong công tác quản lý. Công ty đã thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ. Đến nay, bộ phận kiểm soát nội bộ đã thanh kiểm tra toàn bộ các đơn vị trực thuộc Công ty, góp phần chấn chỉnh kịp thời những vi phạm trong công tác quản lý, tham mưu báo cáo HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty để có những biện pháp giải quyết kịp thời và ổn định hoạt động sản xuất của Công ty.

Công ty đã mạnh dạn áp dụng những công nghệ, thiết bị mới, tin học hóa trong điều khiển và vận hành lưới điện. Hiện nay tất cả các trạm biến áp 110 kV, 35 kV mà Công ty đang quản lý vận hành đã được nâng cấp và áp dụng công nghệ mới (Role kỹ thuật số, thiết bị điều khiển đóng cắt từ xa...) đảm bảo cung cấp đủ điện năng, tin cậy, đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển phụ tải trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa. Mới đây Công ty đã được EVN chấp thuận cho vận hành thí điểm trạm biến áp 110 KV không người trực (áp dụng hệ thống SCADA) điều này đã góp phần đảm bảo tính kinh tế tối ưu trong vận hành lưới điện

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a. Dự báo tình hình:

- Dự báo tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2010 khoảng 10% và có khả năng đạt mức cao hơn. Đồng thời, việc tăng giá bán điện bình quân 6,8% so với năm 2009 từ ngày 01/3/2010 của Chính phủ sẽ tác động đến tình hình tiêu thụ điện của các khách hàng sử dụng.

- Năm 2010, Công ty đã thực hiện xong việc tăng vốn điều lệ từ 208,9 tỷ đồng lên 415,5 tỷ đồng.

- Tình trạng thiếu nguồn điện của hệ thống điện quốc gia dự báo xảy ra trong năm 2010.

- Nhu cầu về vốn đầu tư cho các dự án lưới điện 110kV, dự án đầu tư xây dựng lưới điện nông thôn (phủ điện vùng lõm), hoàn thiện chống quá tải lưới điện trung áp 35kV trở xuống và các dự án đầu tư xây dựng cấp thiết khác. Yêu cầu cấp điện cho các khu vực kinh tế trọng điểm của Tỉnh đòi hỏi rất bức thiết và cần có nguồn vốn đầu tư lớn.

- Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc tiếp nhận lưới điện quân đội trên địa bàn Tỉnh nên mở rộng thêm phạm vi quản lý vận hành và kinh doanh của Công ty.

- Nhu cầu về đào tạo đội ngũ CBQL các cấp và nghiệp vụ chuyên môn cho CBCNV có yêu cầu bức thiết, cần có sự quan tâm đầu tư thích đáng và yêu cầu xây dựng một chiến lược kinh doanh của Công ty cho giai đoạn tiếp đến là hết sức cần thiết.

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Tháng 02/2010, Công ty đã thực hiện xong việc chào bán cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ để chi trả cho tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa tiếp nhận từ ngày 01/01/2008. Căn cứ vào vốn điều lệ mới và dự báo tình hình năm 2010, Công ty xây dựng một số chỉ tiêu chính trong hoạt động SXKD theo 02 phương án như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2010	
			Phương án 01	Phương án 02
1	Vốn điều lệ	Đồng	415.512.960.000	415.512.960.000
2	Tổng sản lượng điện	Triệu kWh	1.123,69	1.123,69
3	Tỷ lệ điện tổn thất	%	6,7	6,7
4	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	1.048,4	1.048,4
5	Giá bán bình quân	Đồng/kWh	1.098	1.098
6	Doanh thu	Tỷ đồng	1.151,146	1.151,146
7	Chi phí	Tỷ đồng	1.121,996	1.117,946
8	Lợi nhuận sản xuất điện	Tỷ đồng	29,150	33,200
9	Lợi nhuận sản xuất khác	Tỷ đồng	23,000	25,500
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,150	58,700
11	Tỷ lệ cổ tức	%	8	9

Ghi chú:

- Phương án 01: dựa trên giá mua điện của EVN tính trên cơ sở lợi nhuận sản xuất điện trước thuế trên vốn điều lệ là 7%.

- Phương án 02: dựa trên giá mua điện của EVN tính trên cơ sở lợi nhuận sản xuất điện trước thuế trên vốn điều lệ là 8%.

c. Kế hoạch đầu tư:

Công ty xác định tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2010: **199,659 tỷ đồng**

Trong đó:

- Đầu tư xây dựng các dự án lưới điện phân phối dưới 110kV: 64,779 tỷ đồng
 - + Đầu tư xây dựng lưới điện phân phối: 27,579 tỷ đồng.
 - + Đầu tư các dự án nâng cao năng lực cấp điện: 37,701 tỷ đồng.
- Đầu tư cải tạo lưới điện nông thôn, miền núi hải đảo (phủ lổm): 35 tỷ đồng.
- Nhu cầu đầu tư xây dựng đường dây và TBA 110kV: 69,207 tỷ đồng
 - + Đầu tư xây dựng TBA 110kV Nam Cam Ranh và nhánh rẽ : 20 tỷ đồng
 - + Lập dự án đầu tư TBA 110kV Vân Phong và nhánh rẽ: 1,358 tỷ đồng.
 - + Đầu tư xây dựng TBA 110kV Ninh Thủy: 47,066 tỷ đồng
 - + Lập dự án đầu tư TBA 110kV Cam Ranh: 0,783 tỷ đồng
- Đầu tư hạ tầng mạng viễn thông & CNTT: 5,935 tỷ đồng
 - + Hạ tầng mạng 3G: 3,7 tỷ đồng.
 - + Mạng lõi SCADA cho các TBA 110kV: 2,235 tỷ đồng.
- Đầu tư xây dựng nhà điều hành, nhà xưởng phục vụ SXKD: 17,4 tỷ đồng.
 - + Di chuyển Xí nghiệp Cơ điện – Thí nghiệm: 7 tỷ đồng.
 - + Xây dựng nhà làm việc Điện lực Vĩnh Nguyên: 4,4 tỷ đồng.
 - + Nhà làm việc Xí nghiệp Lưới điện 110kV, Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp, Tổng kho vật tư: 6 tỷ đồng.
- Mua sắm tài sản cố định: Tổng số: 7,338 tỷ đồng

d. Chỉ tiêu tài chính:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, Công ty xây dựng một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua (Dự kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 sẽ được tổ chức vào ngày 28/04/2010).

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2010	
			Phương án 01	Phương án 01
1	Vốn điều lệ	Đồng	415.512.960.000	415.512.960.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,15	58,70
2.1	Lợi nhuận sản xuất điện	Tỷ đồng	29,15	33,20
2.2	Lợi nhuận sản xuất khác	Tỷ đồng	23,00	25,50
3	Thuế TNDN (25%)	Tỷ đồng	13,037	14,675
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	39,113	44,025
5	Lợi nhuận sau thuế (85%)	Tỷ đồng	33,246	37,421
6	Cổ tức	%	8	9

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2009

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- Ông Bùi Quang Hùng - Chủ tịch
- Ông Cao Thành Đức - Ủy viên (nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 6 năm 2009)
- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Ủy viên
- Ông Lê Hoàng Anh - Ủy viên
- Ông Nguyễn Thanh Bình - Ủy viên
- Ông Đào Thanh Hoài - Ủy viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2009)

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Tổng Giám đốc
- Ông Cao Thành Đức - Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 6 năm 2009)
- Ông Nguyễn Cao Ký - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đăng Hiền - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Kim Hoàng - Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Lâm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		351.718.942.954	232.670.414.526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	251.190.098.831	132.285.007.521
1. Tiền	111		13.488.194.381	41.095.007.521
2. Các khoản tương đương tiền	112		237.701.904.450	91.190.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.360.277.967	62.498.888.380
1. Phải thu khách hàng	131		39.190.626.422	35.864.775.964
2. Trả trước cho người bán	132		924.183.229	17.099.001.173
3. Các khoản phải thu khác	138		8.639.067.777	11.761.740.180
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.393.599.461)	(2.226.628.937)
III. Hàng tồn kho	140	6	42.164.000.601	37.201.301.985
1. Hàng tồn kho	141		43.534.444.952	37.269.228.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.370.444.351)	(67.926.534)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.004.565.555	685.216.640
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.126.028.839	-
2. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		53.035.113	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		825.501.603	685.216.640
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		496.951.256.854	565.619.026.525
I. Tài sản cố định	220		428.698.327.298	499.623.464.324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	407.449.540.054	490.315.061.152
- Nguyên giá	222		1.050.701.558.758	1.036.883.500.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(643.252.018.704)	(546.568.439.057)
2. Tài sản cố định vô hình	227		64.176.741	253.355.145
- Nguyên giá	228		228.842.143	358.842.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(164.665.402)	(105.486.998)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	21.184.610.503	9.055.048.027
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		57.942.500.000	43.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	9.710.000.000	4.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	59.482.500.000	50.750.000.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(11.250.000.000)	(11.250.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.310.429.556	22.495.562.201
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.735.429.556	20.920.562.201
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.575.000.000	1.575.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		848.670.199.808	798.289.441.051

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		588.939.451.016	562.883.653.206
I. Nợ ngắn hạn	310		291.694.150.058	136.154.427.580
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	75.671.331.500	10.890.385.920
2. Phải trả người bán	312		66.936.000.147	43.748.321.054
3. Người mua trả tiền trước	313		6.860.127.670	4.009.006.927
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.299.323.058	5.710.227.272
5. Phải trả người lao động	315		28.413.771.508	24.133.344.882
6. Chi phí phải trả	316	12	4.865.814.315	41.933.715.072
7. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	105.647.781.860	5.729.426.453
II. Nợ dài hạn	330		297.245.300.958	426.729.225.626
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	295.952.989.405	425.614.091.246
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.292.311.553	1.115.134.380
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		259.730.748.792	235.405.787.845
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	255.544.444.127	233.127.141.507
1. Vốn điều lệ	411		208.900.680.000	174.090.860.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.384.665.915	7.382.907.915
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.494.159.135)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	12.972.722.507
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.995.974.743	4.200.552.531
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.757.282.604	34.480.098.554
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.186.304.665	2.278.646.338
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		4.186.304.665	2.278.646.338
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		848.670.199.808	798.289.441.051

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2009	31/12/2008
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	652.293.112	566.641.811
2. Nợ khó đòi đã xử lý	4.723.244.384	3.030.326.224

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Đỗ Thị Xuân Thao	Trần Thị Triều Linh	Nguyễn Thanh Lâm



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	1.026.034.442.718	842.667.373.014
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		635.537	51.557.279
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.026.033.807.181	842.615.815.735
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	883.695.667.074	727.990.315.971
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		142.338.140.107	114.625.499.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	13.467.178.700	7.699.453.104
7. Chi phí tài chính	22	19	22.440.863.596	26.531.281.285
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.142.051.594	12.417.394.996
8. Chi phí bán hàng	24		51.316.249.727	37.794.448.471
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.931.414.213	20.444.527.305
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		57.116.791.271	37.554.695.807
11. Thu nhập khác	31	20	8.665.021.988	16.197.690.149
12. Chi phí khác	32		4.692.468.070	1.201.887.294
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.972.553.918	14.995.802.855
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.089.345.189	52.550.498.662
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	10.756.322.528	9.414.414.781
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	(1.575.000.000)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		50.333.022.661	44.711.083.881
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	22	2.409	1.879

Trong năm 2009, Công ty đã phát hành thêm 3.480.982 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức đợt 3 năm 2008 và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm năm 2007 và 2008. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố cho năm 2008

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2010

Người lập  Đỗ Thị Xuân Thao	Kế toán trưởng  Trần Thị Triều Linh	Tổng Giám đốc  Nguyễn Thanh Lâm
--	--	--



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	61.089.345.189	52.550.498.662
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và hao mòn TSCĐ	02	101.643.497.635	91.087.343.774
Các khoản dự phòng	03	1.469.488.341	10.775.645.324
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	9.514.386.613	2.773.221.830
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.256.656.124)	(7.097.847.419)
Chi phí lãi vay	06	11.142.051.594	12.417.394.996
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	173.602.113.248	162.506.257.167
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	15.409.455.017	(18.562.639.126)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.067.424.519)	7.201.175.772
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập phải nộp)	11	66.045.278.838	(44.204.692.906)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	865.783.730	(2.352.594.041)
Tiền lãi vay đã trả	13	(16.741.393.078)	(3.123.902.742)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.902.174.931)	(4.969.239.320)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.116.935.145)	(2.606.700.576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	218.094.703.160	93.887.664.228
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(31.599.793.179)	(41.861.188.266)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.046.700.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.642.500.000)	(28.215.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	200.000.000	1.575.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	12.959.282.394	7.350.951.775
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.036.310.785)	(61.150.236.491)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(46.273.398.465)	(6.474.726.814)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.879.902.600)	(28.093.180.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(67.153.301.065)	(34.567.907.614)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	118.905.091.310	(1.830.479.877)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	132.285.007.521	134.115.487.398
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60)	70	251.190.098.831	132.285.007.521

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ: chi tiết tại thuyết minh số 24 phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2010

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Đỗ Thị Xuân Thao	Trần Thị Triều Linh	Nguyễn Thanh Lâm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Điện lực Khánh Hòa - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa và chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2005.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi là 208.900.680.000 đồng, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 49%.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi số 4200601069 ngày 24 tháng 8 năm 2009, bao gồm các hoạt động sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các loại máy điện diesel, máy phát điện diesel;
- Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 11KV và các công trình viễn thông;
- Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; kinh doanh thiết bị viễn thông; kinh doanh thương mại, dịch vụ khách sạn, thiết bị và phần mềm máy vi tính, bất động sản, đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, vận chuyển hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỤC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng 1.494.159.135 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS10. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Mức trích lập cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được bù đắp bằng nguồn quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi và quỹ dự phòng tài chính (nếu có), phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm

bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	3 - 10
Dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian là 5 năm.

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng chưa hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chi phí đầu tư xây dựng dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và chi phí hoạt động viễn thông hỗ trợ cho khách hàng.

Công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Chi phí hoạt động viễn thông hỗ trợ cho khách hàng bao gồm giá trị các tài sản như điện thoại, thẻ cào, cáp, ăng ten, modem cáp... hỗ trợ cho các khách hàng sử dụng theo mức quy định bởi Trung tâm Viễn thông Di động Điện lực và Trung tâm Viễn thông Điện lực miền Nam. Các khoản chi phí hỗ trợ này được phân bổ dần vào chi phí trong thời gian 5 năm (đối với điện thoại, thẻ cào, cáp) và 2 năm (đối với ăng ten, modem cáp) theo hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Trong năm 2009, Công ty đã thay đổi phương pháp phân bổ công cụ, dụng cụ. Cụ thể như sau:

- Chi phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian 4 năm kể từ năm phát sinh;
- Toàn bộ giá trị chưa phân bổ của công cụ, dụng cụ đã phát sinh trong năm 2007 và 2008 được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009;
- Công cụ, dụng cụ có giá trị thấp hơn 5 triệu đồng được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian 1 năm;
- Công tơ xuất dùng trong năm 2009 được phân bổ 70% vào chi phí, 30% còn lại được phân bổ trong năm 2010.

Nguồn vốn - quỹ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi là 208.900.680.000 đồng, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 49%.

Các quỹ khác bao gồm Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi... do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng

vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	502.612.853	1.131.647.940
Tiền gửi ngân hàng	12.985.581.528	39.963.359.581
Các khoản tương đương tiền (*)	237.701.904.450	91.190.000.000
	<u>251.190.098.831</u>	<u>132.285.007.521</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất tùy theo qui định của mỗi ngân hàng tại từng thời điểm khác nhau. Khoản tiền này chủ yếu được dự kiến sử dụng để thanh toán cho các khoản vay và nợ đến hạn trong năm 2010.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	295.238.095	-
Nguyên liệu, vật liệu	28.288.742.255	23.590.375.394
Công cụ, dụng cụ	2.813.162.032	2.293.018.279
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.579.548.934	8.203.621.668
Thành phẩm	-	33.367.567
Hàng hoá	3.557.753.636	3.148.845.611
Giá gốc hàng tồn kho	<u>43.534.444.952</u>	<u>37.269.228.519</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.370.444.351)	(67.926.534)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>42.164.000.601</u>	<u>37.201.301.985</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2009	25.710.668.091	326.465.093.907	665.330.820.882	18.999.964.020	376.953.309	1.036.883.500.209
Mua sắm mới	145.619.412	1.373.758.109	1.607.400.895	400.228.286	-	3.527.006.702
XDCB hoàn thành	1.052.201.848	5.602.262.728	11.718.014.088	-	-	18.372.478.664
Tặng khác	-	60.576.500	10.980.000	-	-	71.556.500
Thanh lý	(188.115.608)	(4.750.850.446)	(958.970.470)	(848.002.619)	(79.507.000)	(6.825.446.143)
Giảm khác	-	(1.327.537.174)	-	-	-	(1.327.537.174)
Tại ngày 31/12/2009	26.720.373.743	327.423.303.624	677.708.245.395	18.552.189.687	297.446.309	1.050.701.558.758
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2009	16.565.234.625	164.949.091.423	361.080.415.361	3.667.843.322	305.854.326	546.568.439.057
Trích khấu hao trong năm	2.018.583.530	27.431.920.849	71.402.854.310	689.580.139	29.288.660	101.572.227.488
Tặng khác	6.990.000	118.957.000	518.476.000	-	-	644.423.000
Thanh lý	(1.580.803)	(2.494.614.996)	(880.282.261)	(848.002.619)	(69.031.976)	(4.293.512.655)
Giảm khác	-	(1.239.558.186)	-	-	-	(1.239.558.186)
Tại ngày 31/12/2009	18.589.227.352	188.765.796.090	432.121.463.410	3.509.420.842	266.111.010	643.252.018.704
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	9.145.433.466	161.516.002.484	304.250.405.521	15.332.120.698	71.098.983	490.315.061.152
Tại ngày 31/12/2009	8.131.146.391	138.657.507.534	245.586.781.985	15.042.768.845	31.335.299	407.449.540.054

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, một số tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 243.376.944.448 VND (năm 2008: 316.656.399.428 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao một số tài sản cố định hữu hình trong năm 2009. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu không có sự thay đổi này, chi phí ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm sẽ giảm đi khoảng 13,29 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 138.295.271.253 VND (2008: 77.477.986.476 VND).

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày 1 tháng 1	9.055.048.027	18.644.439.505
Tăng trong năm	43.003.790.042	28.973.287.825
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(18.372.478.664)	(31.689.902.473)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(130.000.000)
Chi phí sửa chữa lớn hoàn thành trong năm	(12.501.748.902)	(6.742.776.830)
Tại ngày 31 tháng 12	21.184.610.503	9.055.048.027

9. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	5.060.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Khánh Hòa	4.650.000.000	3.100.000.000
	9.710.000.000	4.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Khánh Hòa	45	45	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Khánh Hòa	Khánh Hòa	31	31	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm

Thông tin tài chính chưa được kiểm toán tóm tắt về các công ty liên kết được trình bày như sau:

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tổng tài sản	52.031.625.254	12.497.459.851
Tổng công nợ	25.357.535.356	1.400.378.397
Tài sản thuần	26.674.089.898	11.097.081.454
	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu	25.298.391.145	-
Lợi nhuận thuần	3.521.450.972	163.781.454

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản ĐL miền Trung	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản ĐL Sài Gòn Vina	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	3.000.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Nha Trang	10.845.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Sản xuất Thiết bị điện VINASINO	2.887.500.000	-
	59.482.500.000	50.750.000.000

Trong năm 2007, Công ty mua 750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành, tương ứng với tỷ lệ 5% vốn điều lệ với giá mua là 25.000 đồng/1 cổ phiếu. Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư này để ghi giảm giá trị theo mệnh giá do không có giá tham chiếu tin cậy trên thị trường.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được xem là đầu tư dài hạn để nhận cổ tức và ghi nhận theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trình bày theo giá gốc là phù hợp và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, nếu có, sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	20.920.562.201	17.595.787.442
Tăng trong năm	9.468.223.632	11.988.504.018
Phân bổ vào chi phí trong năm	(21.653.356.277)	(8.663.729.259)
Tại ngày 31 tháng 12	8.735.429.556	20.920.562.201

Như đã nêu tại Thuyết minh số 4, Công ty đã thay đổi phương pháp phân bổ giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối trong năm 2009. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng thời gian phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn tình hình hoạt động của Công ty cũng như hiệu suất sử dụng của các tài sản này. Nếu phương pháp phân bổ cũ vẫn được Công ty áp dụng, thì chi phí ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm sẽ giảm đi khoảng 8,76 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.688.788.988	9.227.116.784
Chi phí phải trả tiền mua điện từ EVN	-	32.114.786.331
Khác	2.177.025.327	591.811.957
	4.865.814.315	41.933.715.072

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT	265.613.468	340.641.135
EVN - nộp tiền mua cổ phiếu	70.000.000.000	-
EVN - mua tài sản cố định	32.140.681.180	-
Các khoản phải trả khác	3.241.487.212	5.388.785.318
	105.647.781.860	5.729.426.453

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	350.398.527.148	414.926.717.410
<u>Đường dây và trạm 110KV</u>		
Trạm 110KV Đồng Đế (1)	4.271.000.000	8.071.000.000
Trạm 110KV Bình Tân và nhánh rẽ (2)	12.927.243.309	12.927.243.309
Trạm 110KV Nha Trang (3)	9.720.946.733	6.436.520.343
Lưới điện 110KV Nha Trang (4)	238.985.492.563	298.715.556.452
Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới (5)	27.100.344.993	23.777.577.526
<u>Các khoản vay khác</u>		
Công ty Điện lực 3		
Lưới điện Thành phố Nha Trang (6)	28.215.671.943	33.857.920.191
Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối thị trấn Diên Khánh (7)	26.029.617.774	28.234.263.156
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Vật tư, công cụ, dụng cụ	3.148.209.833	2.906.636.433
Nợ dài hạn	21.225.793.757	21.577.759.756
Công ty Điện lực 3	17.759.430.768	17.759.430.768
Công ty TNHH Huy Quang	79.903.000	93.223.000
Công ty TNHH Long Phú	3.386.459.989	3.725.105.988
	371.624.320.905	436.504.477.166
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	75.671.331.500	10.890.385.920
Trong đó: <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>75.281.738.168</i>	<i>10.538.419.921</i>
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>389.593.332</i>	<i>351.965.999</i>
Số phải trả sau 12 tháng	295.952.989.405	425.614.091.246

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (1) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam nguồn vốn vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 8.071.000.000 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 4 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả hàng quý và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau được niêm yết tại hội sở Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng cộng chi phí biên 3%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (2) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam nguồn vốn vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 12.927.243.309 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 9 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (3) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 737.828,59 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 7,5 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất 6,9%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (4) Hợp đồng vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam có hạn mức 298.731.866.453 VND để đầu tư tài sản cố định và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay. Thời hạn vay không quá 5 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả trong 10 kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2009 và chịu lãi suất 1,5%/năm.
- (5) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 1.510.525,89 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 19 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả trong 36 kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2010 và chịu lãi suất 1%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (6) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa với Công ty Điện lực 3 cho dự án “Lưới điện Thành phố Nha Trang” lãi suất vay là 6,90%/năm.
- (7) Đây là khoản vay của 2 hợp đồng:
 - Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Công ty Điện lực 3 với lãi suất 6,82%/ năm.
 - Hợp đồng cho vay lại vốn tín dụng đầu tư phát triển ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Công ty Điện lực 3 với lãi suất 6,60%/năm.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 1/1/2008	174.090.860.000	1.921.685.194	-	-	2.832.811.464	33.215.619.073	212.060.975.731
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	44.711.083.881	44.711.083.881
Điều chỉnh theo quyết toán thuế và kiểm toán nhà nước	-	-	-	-	-	(350.597.178)	(350.597.178)
Tăng vốn khác	-	5.461.222.721	-	-	-	(5.461.222.721)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	12.972.722.507	1.367.741.067	(14.340.463.574)	-
Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(1.035.676.663)	(1.035.676.663)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.367.741.064)	(1.367.741.064)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(20.890.903.200)	(20.890.903.200)
Tại ngày 1/1/2009	174.090.860.000	7.382.907.915	-	12.972.722.507	4.200.552.531	34.480.098.554	233.127.141.507
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	50.333.022.661	50.333.022.661
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	(1.494.159.135)	-	-	-	(1.494.159.135)
Tăng vốn điều lệ (1)	34.809.820.000	-	-	(12.972.722.507)	-	(21.837.097.493)	-
Tăng vốn khác (2)	-	1.758.000	-	-	-	(1.758.000)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận (3)	-	-	-	-	2.301.904.046	(2.301.904.046)	-
Chi quỹ	-	-	-	-	(506.481.834)	-	(506.481.834)
Thưởng Ban điều hành (3)	-	-	-	-	-	(2.722.689.426)	(2.722.689.426)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (3)	-	-	-	-	-	(2.301.904.046)	(2.301.904.046)
Chia cổ tức (4)	-	-	-	-	-	(20.890.485.600)	(20.890.485.600)
Tại ngày 31/12/2009	208.900.680.000	7.384.665.915	(1.494.159.135)	-	5.995.974.743	34.757.282.604	255.544.444.127

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, Công ty đã phát hành thêm 3.480.982 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức và thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5:1, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo Quyết định số 80/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 7 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, số lượng cổ phiếu này đã được chính thức niêm yết ngày 29 tháng 7 năm 2009.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 và Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 458/UBCK-GCN ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty được chấp thuận phát hành thêm 20.987.368 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, 20.890.068 cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu và 97.300 cổ phiếu được chào bán cho cán bộ, công nhân viên.

Đồng thời, theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 2852/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty được chấp thuận phát hành thêm 101.271 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhằm đảm bảo giữ tỷ lệ cổ phần chi phối của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đang tiến hành các thủ tục để thực hiện việc phát hành.

- (2) Tăng vốn khác phản ánh các tài sản cố định nhận bàn giao từ các Công ty khác (là các đường dây và trạm biến áp được xây dựng trước đây, nay chuyển cho Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa quản lý và vận hành). Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa không phải trả tiền cho các khoản này. Giá trị các tài sản này được ghi tăng vốn khác của chủ sở hữu.
- (3) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2009 vào các quỹ theo điều lệ Công ty. Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng cổ đông chưa có nghị quyết về phương án phân chia lợi nhuận.
- (4) Trong năm 2009, Công ty đã trả tiền cổ tức đợt 2 cho năm tài chính 2008 với mức 6% bằng tiền mặt, tương đương 10.445.451.600 đồng. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã quyết định tạm phân phối lợi nhuận đợt 1 năm 2009 với mức 5%, tương đương 10.445.034.000 đồng. Việc phân phối lợi nhuận chính thức của năm 2009 dự kiến sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào tháng 4 năm 2010.

CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.890.068	17.409.086
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.890.068	17.409.086

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán điện	969.243.724.739	786.711.742.612
Viễn thông và công nghệ thông tin	18.046.415.269	19.355.714.514
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	24.902.434.748	30.693.011.830
Xây lắp điện	15.357.842.846	11.738.886.541
Khảo sát, thiết kế công trình điện	947.436.548	607.796.198
Cơ khí, thiết bị điện	-	11.170.764.838
Mắc dây, đặt điện	4.923.112.053	3.722.119.494
Sửa chữa, thí nghiệm điện	3.674.043.301	3.453.444.759
Dịch vụ	2.862.745.535	2.555.905.453
Nhượng bán vật tư hàng hóa	10.979.122.427	3.350.998.605
	1.026.034.442.718	842.667.373.014

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn bán điện	842.348.375.365	692.337.806.312
Viễn thông và công nghệ thông tin	9.247.252.346	7.482.734.308
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	20.690.270.300	24.743.590.263
Xây lắp điện	13.920.729.124	10.237.397.693
Khảo sát, thiết kế công trình điện	808.493.198	354.247.090
Gia công, cơ khí	-	9.313.120.202
Mắc dây, đặt điện	3.285.818.680	2.582.950.023
Sửa chữa, thí nghiệm điện	2.675.229.298	2.255.875.255
Dịch vụ	963.784.162	655.943.221
Nhượng bán vật tư hàng hóa	10.445.984.901	2.770.241.867
	883.695.667.074	727.990.315.971

Giá vốn bán điện chủ yếu là tiền mua điện thương phẩm theo đơn giá quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	12.662.005.955	7.634.744.121
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	5.666.667	17.000.000
Lãi bán hàng trả chậm	256.931.700	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	542.574.378	47.708.983
	13.467.178.700	7.699.453.104

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	11.142.051.594	12.417.394.996
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.561.154.004	90.664.459
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.514.386.613	2.773.221.830
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	11.250.000.000
Chi phí tài chính khác	223.271.385	-
	22.440.863.596	26.531.281.285

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	7.573.787.429	1.646.805.689
Phạt vi phạm hợp đồng	107.077.756	119.181.023
Thu nhập từ quà biếu, quà tặng	2.344.000	7.585.031.554
Thu nhập khác	981.812.803	6.846.671.883
	8.665.021.988	16.197.690.149

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.089.345.189	52.550.498.662
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.157.737.000)	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	266.416.880	14.230.851.191
Thu nhập chịu thuế	60.198.025.069	66.781.349.853
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.049.506.267	18.698.777.959
Ưu đãi thuế	(4.293.183.739)	(9.234.393.341)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	-	(49.969.837)
	10.756.322.528	9.414.414.781

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại Công văn số 2366/CT-QLDN 1 ngày 8 tháng 11 năm 2005, Cục thuế tỉnh Khánh Hòa đã chấp nhận cho Công ty được đăng ký miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho thời gian hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 5 năm tiếp theo.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.333.022.661	44.711.083.881
Điều chỉnh cho các khoản:		
<i>Lợi nhuận từ tài sản nhận bàn giao</i>	<i>(1.758.000)</i>	<i>(5.461.222.721)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	50.331.264.661	39.249.861.160
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.890.068	20.890.068
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.409	1.879

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị lần thứ 19 ngày 6 tháng 2 năm 2010, Công ty sẽ đầu tư khoảng 181,3 tỷ đồng để xây dựng và mua sắm tài sản cố định trong năm 2010. Trong đó:
 - Các dự án lưới điện dưới 110KV: 47,8 tỷ đồng;
 - Các dự án lưới điện 110KV: 68,2 tỷ đồng;
 - Các dự án lưới điện nông thôn, miền núi, hải đảo : 30 tỷ đồng;
 - Các dự án xây dựng nhà xưởng, hạ tầng viễn thông và mua sắm thiết bị: 35,3 tỷ đồng.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 120/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 12 tỷ đồng, tương ứng 2% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã góp 3 tỷ đồng.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 122/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Thủy điện Sông Chò với số tiền 8 tỷ đồng, tương ứng với 20% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã góp 5.060 triệu đồng.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 121/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực miền Trung với số tiền 30 tỷ đồng, tương ứng 2% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã góp 9 tỷ đồng. Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định không góp thêm số vốn còn lại.
- Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị lần thứ 11 ngày 31 tháng 10 năm 2007, Công ty sẽ tham gia đầu tư vào Công ty Bất động sản Điện lực Nha Trang với số tiền là 80 tỷ đồng, chiếm 8% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã góp 10.845 triệu đồng.
- Ngày 17 tháng 10 năm 2008, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 251/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị điện VINASINO với số tiền 350.000 USD, tương ứng 5% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã góp 2.887,5 triệu đồng.

24. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm:

- Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 3.593.476.501 đồng (2008: 1.180.531.838 đồng), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

- Các nghiệp vụ phân chia lợi nhuận sau thuế để tăng vốn điều lệ và tăng các quỹ: Thuyết minh số 15.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện thương phẩm	559.320.546.788	451.516.930.339
Nhận bàn giao tài sản cố định	-	349.927.897.630
Nhận vật tư bàn giao	-	2.906.636.433
Trả cổ tức (bằng tiền mặt và cổ phiếu)	28.413.538.200	10.655.078.400
Nộp tiền mua cổ phiếu	70.000.000.000	-
Công ty Điện lực 3		
Trả gốc vay	10.600.545.012	5.329.173.459
Trả lãi vay	3.880.250.848	3.039.215.742
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò		
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	316.358.583	1.058.112.000
Lương thanh toán cho Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	604.005.648	559.573.078

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	368.143.370.175	382.042.683.961
Tiền mua điện thương phẩm phải trả	-	32.114.786.331
Lãi vay phải trả	1.658.506.290	-
Gốc vay phải trả	296.153.237.429	349.927.897.630
Tiền mua tài sản cố định	32.140.681.180	-
Phải trả khác	38.190.945.276	-
Công ty Điện lực 3	81.588.403.115	90.817.021.079
Gốc vay phải trả	54.245.289.717	62.092.183.347
Gốc nợ phải trả	17.759.430.768	17.759.430.768
Phải trả khác	9.583.682.630	10.965.406.964
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	337.106.000	1.111.017.600
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	337.106.000	1.111.017.600

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Hội đồng Quản trị, Công ty nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của cổ đông sáng lập khác tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò, tăng tỷ lệ phần vốn góp của Công ty từ 45% lên 56,875% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò đã thực hiện việc sửa đổi này theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200716158 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 28 tháng 1 năm 2010.

Ngày 8 tháng 3 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo chấp nhận việc niêm yết bổ sung 20.661.228 cổ phiếu phổ thông (chiếm tỷ lệ 97,97% số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và có hiệu lực từ ngày 5 tháng 3 năm 2010.

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị lần thứ 19 ngày 6 tháng 2 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã đề xuất phương án chia cổ tức đợt 2 năm 2009 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 để Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 5 tháng 2 năm 2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa sẽ được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2010.

Ngoài các sự kiện đã được trình bày như trên, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

27. THÔNG TIN SO SÁNH

Khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán và khoản mục “chi phí tài chính” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không so sánh được với số liệu tương ứng năm trước do Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố do thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại thuyết minh số 3.

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: 8 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04. 38522104

Fax: 04. 38524119

- Ý kiến kiểm toán độc lập:



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Số 8-Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84-4 3852 4123
Fax: +84-4 3852 4143
www.deloitte.com/vn

Số. 136/Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

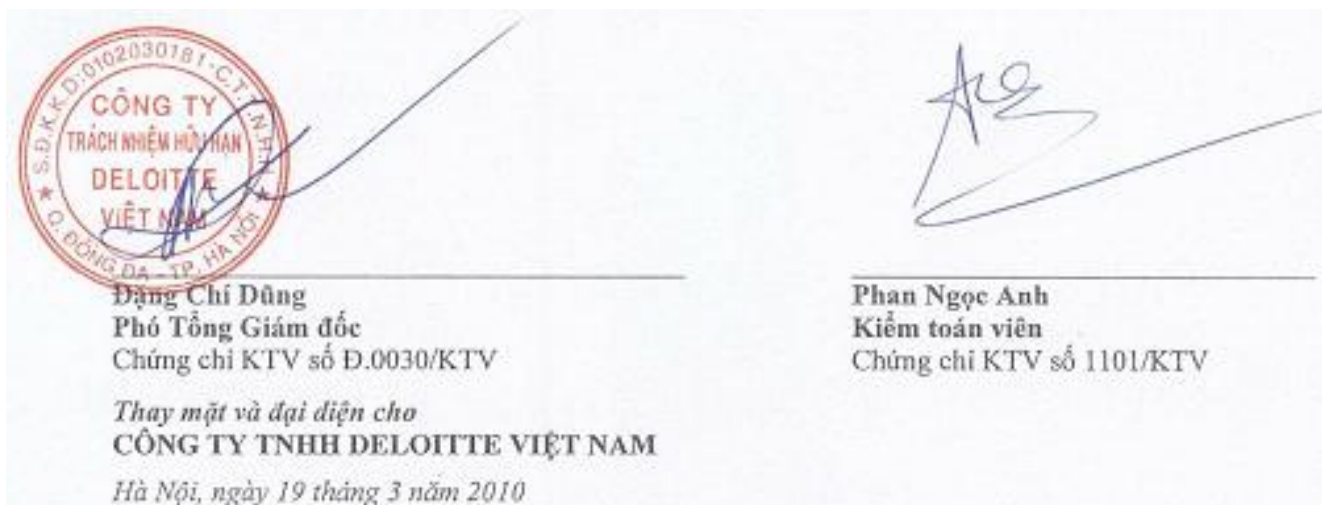
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với

các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS10, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm 1.494.159.135 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng một khoản tương ứng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC và đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.



2. Ý kiến của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty:

Thực hiện chức năng của Ban kiểm soát quy định tại Luật Doanh Nghiệp nước Cộng Hòa Xã Chủ Nghĩa Việt Nam và tại Điều lệ Công ty. BKS được phép xem qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc điều hành trong các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng Quý, 06 tháng và cả năm; Kiểm soát báo cáo quyết toán tài chính năm 2009; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã kiểm toán tài chính năm 2009; Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2009. Ban kiểm soát nhận xét về hoạt động SXKD của Công ty trong 2009 như sau:

2.1. Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính.

a. Bố trí cơ cấu tài sản:

- + Tài sản cố định / Tổng tài sản : 58,55%
- + Tài sản lưu động / Tổng tài sản: 41,44%
- + Hàng tồn kho / Tổng tài sản : 4,90% (năm 2007: 8,82% năm 2008: 4,7%)

- Tỷ lệ tài sản cố định chiếm 58,55%, tài sản lưu động chiếm 41,44%. Tỷ lệ này cho thấy công ty đã bố trí cơ cấu tài sản hợp lý so với Tổng tài sản. Đặc biệt giá trị hàng tồn kho năm 2009 chiếm 4,9% cố gắng duy trì gần bằng năm 2008 là 4,7% giảm gần gấp đôi so với năm 2007, tỷ lệ hàng tồn kho này chiếm chưa đến 5% so với Tổng tài sản của công ty, tỷ lệ hàng tồn kho của Công ty như vậy là rất hợp lý.

b. Bố trí cơ cấu nguồn vốn:

- + Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn : 69,4%
- + Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn : 30,6%

c. Tỷ suất sinh lời:

- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần : 4,91%
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu: 19,70%
- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản : 7,20%

- Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh và cũng như hiệu quả sử dụng vốn của Công ty năm 2009 đã mang lại lợi nhuận tương đối hiệu quả. Hệ số lợi nhuận (ROA-Return on Assets) trên tất cả các khoản đầu tư, tài sản của Công ty mang lại khả năng sinh lời cho các cổ đông đạt 7,2% và hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE-Return on Equity) cao bằng năm 2008 là 19,70% (năm 2008 đạt 19,18%). Tỷ lệ nợ phải trả chiếm 69,4% trên tổng nguồn vốn cho thấy Công ty đã thực hiện khá tốt việc sử dụng đòn cân nợ từ việc tranh thủ các nguồn tín dụng khác ngoài hệ thống Ngân hàng.

2.2 Nhận xét về hoạt động kế toán - tài chính:

- Chế độ áp dụng: Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập dựa trên các quy định, hướng dẫn hiện hành theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Việc tính toán, ghi chép các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực, đúng chế độ, nguyên tắc trong phạm vi lập, ghi chép luân chuyển, sử dụng, lưu trữ bảo quản chứng từ đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ. Công tác theo dõi và quản lý các chi phí sản xuất kinh doanh tương đối chặt chẽ. Công tác theo dõi và thanh toán các hợp đồng ký kết mua sắm tài sản cố định và đầu tư trang thiết bị, sửa chữa được hoạch toán theo đúng quy định và dự toán được phê duyệt.

- Phòng Kế toán hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về tài chính, yêu cầu về cung cấp thông tin ra công chúng, cũng như yêu cầu cung cấp thông tin số liệu cho Ban kiểm soát của Công ty.

- Các số liệu kế toán được hạch toán đầy đủ, rõ ràng, phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty. Bảng tổng kết tài sản, kết quả hoạt động SXKD, Bảng lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, là đơn vị kiểm toán có uy tín, đã được Bộ Tài Chính công nhận và đã thực hiện kiểm toán từ ngày 01/03/2010 đến ngày 06/03/2010.

2.3. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định của HĐQT và công tác điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Trong tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước giảm, do đó cũng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tập trung phát huy nội lực, chuyển mạnh phân cấp về các đơn vị trực thuộc, nâng cao vai trò, trách nhiệm của giám đốc các đơn vị. Đồng thời Công ty cũng đã giao khoán chi phí một cách sát sao, xây dựng các cơ chế tài chính hợp lý kích thích các đơn vị chủ động tìm kiếm các công trình thi công nhằm tăng lợi nhuận

cho Công ty và tăng thêm thu nhập cho CBCNV đơn vị. Công ty cũng đã khai thác tối đa các nguồn thu để đầu tư tài chính. Trong công tác đầu tư xây dựng Công ty không chỉ xem xét cân nhắc về mặt kỹ thuật mà còn tính toán hiệu quả tài chính một cách hợp lý nhất.

- Trong năm, Công ty đã thực hiện nghiêm công tác đấu thầu đối với mua sắm vật tư thiết bị do đó ngoài việc đảm bảo chất lượng vật tư thiết bị cho công trình điện, công ty đã làm lợi đáng kể do chênh lệch giá.

- Trong công tác mua điện với các tổ chức ngoài : Công ty cũng đã tận dụng các nguồn điện nhỏ với giá mua điện tốt giúp cho Công ty bổ sung vào nguồn điện mua từ Tập đoàn và đồng thời làm giảm chi phí mua điện.

- Trong công tác giao tiếp khách hàng: Công ty đã nghiên cứu, cung cấp thêm nhiều dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng (mở rộng thêm nhiều loại hình thu tiền khách hàng như thu qua thẻ ATM, nhờ thu qua ngân hàng, tổ chức nhiều điểm thu tiền, thông báo tiền điện qua dịch vụ nhắn tin, triển khai mô hình dịch vụ khách hàng một cửa ... nhằm phục vụ tối đa tiện ích cho khách hàng).

Với những quyết định mang tính kiên quyết, kịp thời, trong năm 2009, Công ty đã thực hiện thành công Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009, thực hiện trong 2 đợt tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cũng như chào bán cổ phiếu ra công chúng. Công ty đã tăng vốn đợt 1 từ 174.090.860.000 đồng lên 208.900.680.000 đồng và tăng vốn điều lệ đợt 2 lên 415.512.960.000 đồng vào đầu năm 2010.

- Trong năm 2009, HĐQT Công ty đã tổ chức 5 phiên họp định kỳ hàng quý và do yêu cầu sản xuất của Công ty có tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng hình thức văn bản. Trong các phiên họp đều có sự tham gia đầy đủ các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty.

• **Nhận xét chung của Ban kiểm soát:**

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ điều hành Công ty một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, theo đúng Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các công việc cần triển khai theo Nghị Quyết của HĐQT đều được Ban Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Qua kiểm tra, Ban kiểm soát có thể đánh giá như sau :

- Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2009 đã được ĐHĐCĐ thông qua đều được thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra.

- Các tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, lao động tiền lương; khung giá vật tư, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ trong công ty đều thực hiện theo đúng các quy định của Công ty đã được HĐQT phê duyệt.

- Việc ký kết các hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các tổ chức và cá nhân bên ngoài như mua vật tư, thiết bị phục vụ cho SXKD đúng theo quy định của Nhà nước, tất cả hợp đồng mua các thiết bị, vật tư có giá trị lớn đều có sự chào giá cạnh tranh. Các hợp đồng về thuê thiết bị, đóng cắt điện...mà Công ty là Bên bán đều được cập nhật sổ sách đầy đủ, đơn giá theo đúng các quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng theo đúng các hạng mục công trình đã được HĐQT phê duyệt.

Ø Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động trong Công ty :

- Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động và quyền lợi của CBCNV được thực hiện đúng Luật lao động, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Công ty đã thực hiện mua BHXH, BHYT đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Thu nhập bình quân của CBCNV-Lao động là: 5.271.000 đồng/tháng.

- Công ty đã mua BHXH-BHYT và bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho người lao động, tiền BHXH-BHYT và bảo hiểm thất nghiệp Công ty đã nộp kịp thời đúng quy định của BHXH, tổng số tiền BHXH-BHYT và bảo hiểm thất nghiệp Công ty phải nộp của năm 2009 là 4.260.657.344 đồng, đã nộp 4.260.657.344 đồng (số liệu đã có xác nhận của cơ quan BHXH Tỉnh).

- Các tổ chức chính trị xã hội như bộ máy hoạt động công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động, các chế độ thi đua khen thưởng, tham quan du lịch phong trào văn hóa thể thao luôn được duy trì.

2.4. Việc giải quyết các ý kiến của cổ đông gửi đến Ban kiểm soát góp ý về điều hành hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

Một trong những nhiệm vụ của Ban kiểm soát là thực hiện kiểm tra từng vấn đề có liên quan đến Quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi cổ đông yêu cầu. Tuy nhiên, trong năm 2009 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Chúng tôi đánh giá rằng, ở mức độ nhất định hoạt động của Công ty thông qua những người điều hành và kết quả SXKD năm 2009 đạt được sự tin tưởng của cổ đông.

✓ Một số kiến nghị về hoạt động điều hành, quản lý Công ty

- Tuy điện năng là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty, nhưng hoạt động này còn phụ thuộc nhiều yếu tố như giá mua điện, giá bán điện. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng chiến lược kinh doanh mở hướng hoạt động khác vào các lĩnh vực dịch vụ tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

- Cần tiếp tục phát huy lợi thế, đẩy mạnh việc quảng bá xây dựng thương hiệu, khai thác có hiệu quả các vị trí địa lý, mặt bằng mà Công ty đang quản lý.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ nhân viên, nhân sự chủ chốt, chuyển biến ý thức người lao động tận tâm và có trách nhiệm trong công việc, đào tạo nhân viên mang tính chuyên nghiệp hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cần có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút thêm những nhân sự có chuyên môn cao, giữ được người giỏi và có chương trình đào tạo các ngành nghề phù hợp đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh doanh đa ngành nghề của Công ty.

- Về công tác tài chính :

+ Có biện pháp để giảm nguồn vật tư hàng tồn kho, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh và tăng vòng quay của vốn lưu động và tăng vòng quay hàng tồn kho.

+ Cần nghiên cứu xây dựng những cơ chế tài chính làm đòn bẩy kích thích các đơn vị khai thác tối đa các tiềm năng trong lĩnh vực dịch vụ điện mà hiện nay vẫn là lợi thế của Công ty.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức niêm yết: Tập đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN)
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức niêm yết nắm giữ: không có
3. Tình hình đầu tư vào các Công ty có liên quan:

Trong năm 2009, Công ty không thực hiện đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết mới. Công ty chỉ thực hiện tiếp tục đầu tư góp vốn theo như cam kết vào các công ty thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, bất động sản sau khi đã phân tích kỹ hiệu quả đầu tư cũng như cân đối nguồn vốn của Công ty. Tiếp tục góp vốn vào các Công ty như:

- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm ĐLKH: góp vốn 1,55 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 4,65 tỷ đồng.
- Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chè: góp vốn 4,16 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 5,06 tỷ đồng.
- Công ty Đầu tư Điện lực 3: góp vốn 1,2 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 3 tỷ đồng.
- Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Vinasino: góp vốn 2,8875 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 2,8875 tỷ đồng.
- Công ty Cổ phần BĐS EVN Land Nha Trang: góp vốn 4,845 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 10,845 tỷ đồng.

Đối với các Công ty khác, Công ty không tiếp tục tham gia góp vốn như: Công ty Cổ phần BĐS EVN Land Central.

4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

Trong năm 2009, bước đầu một số Công ty liên kết đã hoạt động kinh doanh hiệu quả và bước đầu đã đem lại lợi nhuận cho Công ty như:

- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm ĐLKH: chi trả cổ tức đợt 1 năm 2009 với số tiền 248.000.000 đồng (tạm ứng cổ tức 8%).
- Công ty Cổ phần BĐS EVN Land Sài Gòn: tạm ứng cổ tức năm 2008 với số tiền 450.000.000 đồng (cổ tức 3%).
- Công ty Cổ phần BĐS EVN Land Central: tạm ứng cổ tức năm 2008 với số tiền 360.000.000 đồng (cổ tức 4%).
- Phân chia lợi nhuận còn lại sau khi giải thể Công ty Cổ phần Tuấn Ân ĐLKH với số tiền là 99.737.000 đồng.
- Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Phát hành sách Fahasa: lợi nhuận đem lại được 1,2 tỷ đồng.

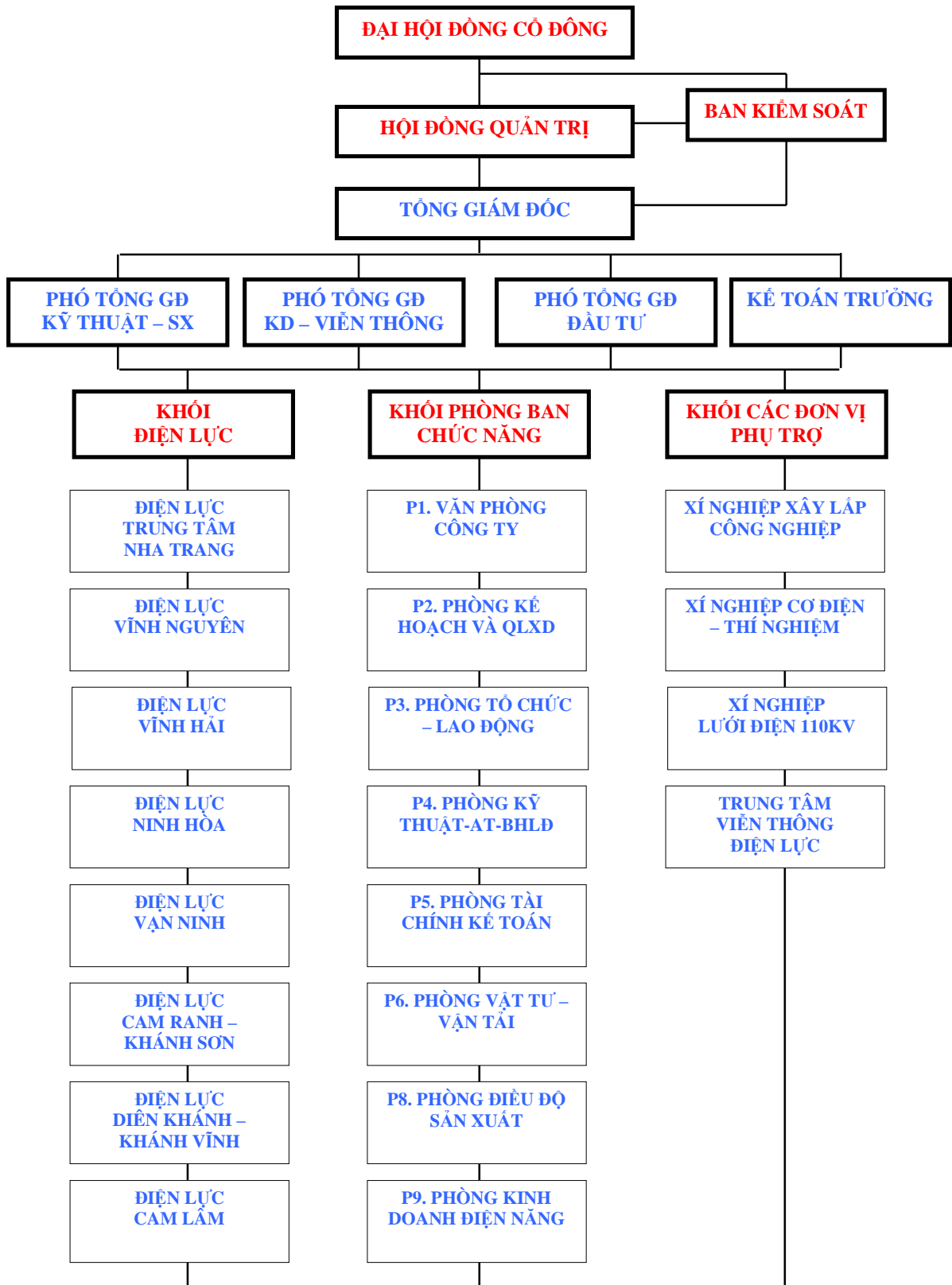
Các công ty còn lại hiện đang trong giai đoạn đầu tư góp vốn và xây dựng dự án nên chưa có kết quả kinh doanh. Riêng đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành, Công ty tiếp tục giữ khoản dự phòng chứng khoán giảm giá của năm 2008 với số tiền 11,25 tỷ đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm :

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc, 08 điện lực trực thuộc, 08 phòng ban chức năng, 03 xí nghiệp và 01 Trung tâm viễn thông điện lực.



2. Hội đồng Quản trị:



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bùi Quang Hùng
Năm sinh: 25/8/1955
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD ĐH Griggs
Hoa Kỳ - Kỹ sư ngành thiết bị điện



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thanh Lâm
Ngày tháng năm sinh: 21/9/1961
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đào Thanh Hoài
Ngày tháng năm sinh: 29/4/1956
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống Điện



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thanh Bình
Năm sinh: 15/6/1955
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Hoàng Anh
Năm sinh: 29/4/1968
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế

3. Ban Tổng Giám đốc :



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Thanh Lâm

Ngày tháng năm sinh: 21/9/1961

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Kim Hoàng

Ngày tháng năm sinh: 15/4/1960

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống Điện



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Đăng Hiền

Ngày tháng năm sinh: 30/8/1964

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Quản trị kinh doanh – Kỹ sư điện



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Cao Kỳ

Ngày tháng năm sinh: 20/3/1966

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành hệ thống điện

4. Ban kiểm soát:



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ông Tô Hiếu Thuận
Ngày tháng năm sinh: 13/8/1971
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ MBA – QTKD
Trường Lincoln University - USA



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Lục Xuân Thơi
Ngày tháng năm sinh: 11/01/1963
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Ngày tháng năm sinh: 03/6/1963
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp

5. Kế toán trưởng:



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Trần Thị Triều Linh
Ngày tháng năm sinh: 23/10/1967
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

6. Thay đổi Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong năm :

Trong năm 2009, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty có sự thay đổi như sau:

a. Thay đổi thành viên HĐQT Công ty:

Ngày 09/5/2009, ĐHĐCĐ thường niên 2009 của Công ty đã thông qua việc đồng ý đề ông Cao Thành Đức – Thành viên HĐQT Công ty, Phó Tổng Giám đốc Công ty thôi nhiệm thành viên HĐQT Công ty để nghỉ hưu theo chế độ. Đồng thời bầu bổ sung ông Đào Thanh Hoài – Phó Trưởng Ban Kinh doanh Tập đoàn Điện lực Việt Nam tham gia thành viên HĐQT Công ty.

b. Thay đổi Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Ngày 15/05/2009, HĐQT Công ty đã có quyết định thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty của ông Cao Thành Đức để nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/6/2009.

Ngày 01/9/2009, HĐQT Công ty đã có quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Kim Hoàng – Giám đốc Điện lực Cam Lâm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách kỹ thuật sản xuất với thời hạn bổ nhiệm là 03 năm.

c. Thay đổi Kế toán Trưởng Công ty

HĐQT Công ty đã có quyết định thôi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty của ông Nguyễn Thành Cử để nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/9/2009.

HĐQT Công ty đã có quyết định bổ nhiệm bà Trần Thị Triều Linh – Phó trưởng phòng tài chính kế toán giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 01/9/2009 với thời hạn bổ nhiệm là 02 năm.

7. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

- Tiền lương : 735.464.235 đồng.

- Tiền thưởng: 282.565.921 đồng.

8. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

✓ Tình hình lao động:

§ Tổng số lao động hiện có đến ngày 31/12/2009 : 1.143 người

Trong đó : Lao động theo hợp đồng ngắn hạn : 0 người

Lao động theo hợp đồng dài hạn : 1.143 người

Lao động gián tiếp : 428 người

Lao động trực tiếp : 715 người

Cán bộ quản lý : 102 người.

§ Các Phòng ban và các Điện lực, các Xí nghiệp trực thuộc:

+ Ban Lãnh đạo : 05 người

+ Phòng Hành Chính : 09 người

+ Phòng Tổ chức : 31 người

+ Phòng Tài chính	:	14 người
+ Phòng Kế hoạch & QLXD	:	12 người
+ Phòng Kinh doanh	:	18 người
+ Phòng Kỹ thuật – An toàn-BHLĐ:		24 người
+ Phòng Vật tư	:	27 người
+ Phòng Điều độ	:	17 người
+ Các Điện lực & Xí nghiệp SX	:	985 người

▼ Chính sách đối với người lao động:

Đối với người lao động, Công ty còn có nhiều chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích, động viên người lao động như:

- Hàng năm, người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động.

- Hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ và nghỉ dưỡng cho người lao động. Có thay đổi các nội dung khám sức khỏe chuyên đề hàng năm cho Người lao động.

- Thực hiện đầy đủ việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn theo quy định cho người lao động, các chế độ khác như bảo hiểm kết hợp con người, trợ cấp thôi việc, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, khó khăn ...

- Công ty đã thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần. Thực hiện việc trích bồi dưỡng chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại cho người lao động.

- Công ty đã xây dựng và áp dụng hiệu quả các chính sách khác như: chính sách tuyển dụng lao động, quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ tương trợ, quy chế chấm điểm thi đua trong sản xuất kinh doanh điện năng, quy chế hoạt động sản xuất khác ngoài sản xuất kinh doanh điện năng ...

- Công ty luôn bảo đảm việc làm, tiền lương, thu nhập và phúc lợi tập thể cho người lao động trong Công ty. Thu nhập bình quân hàng năm của Người lao động đều tăng, năm sau cao hơn năm trước từ 10 đến 15%.

6. Thay đổi Ban kiểm soát trong năm : Không có

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a. Thành phần HĐQT: 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Bùi Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT chuyên trách
02	Đào Thanh Hoài	UV HĐQT	Thành viên độc lập không điều hành
03	Nguyễn Thanh Lâm	UV HĐQT	Thành viên kiêm nhiệm
04	Nguyễn Thanh Bình	UV HĐQT	Thành viên kiêm nhiệm
05	Lê Hoàng Anh	UV HĐQT	Thành viên độc lập không điều hành

Hoạt động của HĐQT Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 5 thành viên, trong đó 4/5 thành viên là những cán bộ lãnh đạo, quản lý hoạt động lâu năm trong ngành điện, 1/5 thành viên là tiến sĩ kinh tế hiện đang giữ vai trò giám đốc tại quỹ đầu tư Dragon Capital. Hai thành viên hiện là thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Các thành viên HĐQT có đầy đủ trình độ (2 người trên đại học, 1 người đang học trên đại học và 2 người đại học) và kinh nghiệm để đưa ra các quyết định đúng đắn về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Trong HĐQT Công ty hiện có 03 thành viên độc lập không điều hành bao gồm Chủ tịch HĐQT chuyên trách, 01 thành viên là giám đốc quỹ đầu tư Dragon Capital, 01 thành viên hiện đang là Phó trưởng Ban kinh doanh EVN. Vì vậy, hoạt động của các thành viên này đã đóng góp rất nhiều ý kiến, phương hướng cho định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với từng thời kỳ nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong năm 2009, HĐQT Công ty đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát Công ty. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực hiện các vấn đề:

- Thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 208,9 tỷ đồng từ cổ tức năm 2008 và thuế TNDN được miễn năm 2007 và giảm năm 2008.
- Xây dựng chủ trương về công tác nâng cao năng suất lao động và chất lượng lao động áp dụng trong Công ty để khuyến khích nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống CNCNV, phát huy ý thức trách nhiệm. Đồng thời phát hiện những nhân tố tích cực làm nòng cốt cho chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty nhằm đem lại tính ổn định lâu dài và bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.
- Áp dụng các Quy chế Quản trị Công ty; Quy chế làm việc của HĐQT; Quy chế phối hợp hoạt động giữa những Người đại diện phần vốn của EVN, người được

EVN cử làm thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhằm mục đích tạo sự phối hợp đồng bộ trong hoạt động quản lý điều hành, thực hiện tốt và đúng các chủ trương chính sách của EVN và đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động trong Công ty.

- Ngoài ra, trong chức năng quyền hạn của mình, HĐQT cũng theo dõi chỉ đạo sâu sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm cũng như cân đối nguồn vốn phục vụ cho việc đầu tư xây dựng có hiệu quả.

b. Thành phần Ban kiểm soát: 03 thành viên

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Tô Hiếu Thuận	Trưởng BKS	
02	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	UV BKS	
03	Lục Xuân Thơi	UV BKS	

Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty:

Căn cứ vào kết quả Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009, Ban kiểm soát đã phối hợp với Phòng tài chính và một số phòng ban chức năng khác thực hiện việc kiểm tra giám sát mọi hoạt động của Công ty bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính hàng tháng, hàng quý, năm.
- Phối hợp với Phòng tài chính giám sát chặt chẽ các khoản chi phí đầu tư, mua sắm tài sản.
- Kiểm tra tình hình quản trị hàng tồn kho.
- Các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Các thắc mắc khiếu nại của cổ đông.

c. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:

Năm 2010, HĐQT Công ty đề ra biên pháp tăng cường hiệu quả trong quản trị Công ty.

- Tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh Công ty giai đoạn 2010 – 2015 sau khi được ĐHCĐ thường niên 2010 thông qua.
- Tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, nâng cao năng suất lao động trong dây chuyền sản xuất kinh doanh điện. Từng bước áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý kinh doanh có hiệu quả và giảm bớt sức ép về tăng nhu cầu lao động trong công tác quản lý
- Tăng cường và mở rộng các dịch vụ khách hàng theo quan điểm “*hướng đến khách hàng*” như có nhiều dịch vụ thu tiền điện qua ngân hàng, qua bưu điện, nhờ thu, qua thẻ ATM ..., đăng ký lắp đặt công tơ trên Website, các dịch vụ xây lắp, lắp đặt đường dây sau công tơ, bảo dưỡng các công trình điện do Công ty xây lắp ... nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng.
- Tiếp tục điều chỉnh cơ chế phân cấp quản lý phù hợp với năng lực và khả năng của các đơn vị, giao kế hoạch lợi nhuận sản xuất điện cho các Điện lực và kế

hoạch lợi nhuận cho các đơn vị sản xuất kinh doanh khác của Công ty. Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong toàn Công ty.

- Xây dựng văn hóa Công ty gắn liền với việc xây dựng văn hóa Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tập trung xây dựng văn hóa công ty thông qua những giá trị cốt lõi, những chuẩn mực đạo đức và những cam kết về văn hóa Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- Thực hiện việc sửa đổi, ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ Công ty phù hợp với cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý và sự phối hợp giữa các đơn vị trong Công ty; thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ Công ty.

d. Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- Ông Bùi Quang Hùng – Chủ tịch HĐQT chuyên trách đã có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty như:

- + Giám đốc điều hành CEO.
- + Chương trình đào tạo “ Cán bộ lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam”.
- + Xây dựng và phát triển thương hiệu cho cán bộ quản lý, lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Ông Nguyễn Thanh Lâm – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đã có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty như:

- + Giám đốc điều hành CEO.
- + Kỹ năng điều hành doanh nghiệp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện việc tham gia các lớp đào tạo để cán bộ quản lý điều hành Công ty có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty trong năm 2010.

e. Tiền lương Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty:

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, Công ty đã trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2009 như sau:

Đvt: đồng

Họ Và Tên	Chức danh	Mức lương/ thù lao tháng	Năm 2009
Hội đồng quản trị			396.000.000
Bùi Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	21.000.000	252.000.000
Cao Thành Đức	Ủy viên HĐQT	3.000.000	13.500.000
Đào Thanh Hoài	Ủy viên HĐQT	3.000.000	22.500.000
Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
Nguyễn Thanh Lâm	Ủy viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
Lê Hoàng Anh	Ủy viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
Ban kiểm soát			96.000.000
Tô Hiếu Thuận	Trưởng BKS	3.000.000	36.000.000
Lục Xuân Thới	Ủy viên BKS	2.500.000	30.000.000
Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Ủy viên BKS	2.500.000	30.000.000
TỔNG CỘNG			492.000.000

Ghi chú: Kể từ ngày 09/5/2009, ông Cao Thành Đức thôi nhiệm thành viên HĐQT Công ty và ông Đào Thanh Hoài tham gia thành viên HĐQT Công ty.

f. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT: Đến thời điểm chốt danh sách ngày 15/12/2009

- Thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu đầu năm				Số CP sở hữu cuối năm			
		Cá nhân	Đại diện	Tổng	Tỷ lệ	Cá nhân	Đại diện	Tổng	Tỷ lệ
1	Bùi Quang Hùng	21.333	3.656.108	3.677.441	21,12%	25.599	4.386.914	4.412.513	21,12%
2	Nguyễn Thanh Lâm	17.354		17.354	0,10%	20.824	-	20.824	0,10%
3	Nguyễn Thanh Bình	12.800	2.611.562	2.624.362	15,07%	15.360	3.134.082	3.149.442	15,08%
4	Đào Thanh Hoài	-	2.611.562	2.611.562	15,00%	-	3.134.082	3.134.082	15,00%
5	Lê Hoàng Anh	-	-	-	0,00%	-		-	0,00%

- Ban kiểm soát:

STT	Thành viên HĐQT	Số CP sở hữu đầu năm		Số CP sở hữu cuối năm	
		Cá nhân	Tỷ lệ	Cá nhân	Tỷ lệ
1	Tô Hiếu Thuận	1.000	0,01%	1.200	0,01%
2	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	39.072	0,22%	46.886	0,22%
3	Lục Xuân Thơi	3.200	0,02%	3.840	0,02%

Ghi chú: Số lượng cổ phiếu cuối năm của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát tăng lên do Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1.

Trong năm 2009 các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty và những người có liên quan không có bất kỳ một giao dịch mua/bán cổ phiếu của Công ty.

Các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty không có bất cứ một giao dịch nào liên quan đến quyền lợi của họ với Công ty, như: mua bán cổ phiếu, mua bán nguyên liệu, vật tư, và các giao dịch khác.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông: Đến thời điểm ngày 15/12/2009

a. Cổ đông Nhà nước:

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa có cổ đông Nhà nước là Tập đoàn Điện lực Việt Nam chiếm 51,01% vốn điều lệ Công ty.

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18 Trần Nguyên Hãn – Hà Nội	10.655.078	51,01%

b. Cổ đông lớn:

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18 Trần Nguyên Hãn – Hà Nội	10.655.078	51,01%

c. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam		18 Trần Nguyên Hãn – Hà Nội	10.655.078	51,01%
2	Bùi Quang Hùng	1955	53A Yersin – Nha Trang – Khánh Hòa	25.599	0,12%
3	Cao Thành Đức	1949	55 Cao Bá Quát – Nha Trang – Khánh Hòa	26.943	0,13%
4	Cao Thụy		9A Lê Thánh Tôn – Nha Trang – Khánh Hòa	3.621	0,017%

Ghi chú: Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 30/6/2005, vì vậy tính đến thời điểm hiện tại, mọi điều kiện chuyển nhượng áp dụng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

d. Cơ cấu cổ đông: tại thời điểm ngày 15/12/2009:

DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Cổ đông cá nhân	9.255.305	44,30%	224.017	1,07%	9.479.322	45,38%
Từ 5% trở lên	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Dưới 5%	9.255.305	44,30%	224.017	1,07%	9.479.322	45,38%
Cổ đông pháp nhân	10.800.592	51,70%	610.154	2,92%	11.410.746	54,62%
Từ 5% trở lên	10.655.078	51,01%	-	0,00%	10.655.078	51,01%
Dưới 5%	145.514	0,70%	610.154	2,92%	755.668	3,62%
Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng cộng	20.055.897	96,01%	834.171	3,99%	20.890.068	100,00%

Bao gồm 4.371 cổ đông sở hữu 20.890.068 cổ phiếu

1. Tổ chức, trong đó :	53 cổ đông sở hữu 11.410.746 cổ phiếu
- Trong nước	45 cổ đông sở hữu 10.800.592 cổ phiếu
- Ngoài nước	08 cổ đông sở hữu 610.154 cổ phiếu
2. Cá nhân, trong đó :	4.318 cổ đông sở hữu 9.479.322 cổ phiếu
- Trong nước	4.195 cổ đông sở hữu 9.255.305 cổ phiếu
- Ngoài nước	123 cổ đông sở hữu 224.017 cổ phiếu

Nha Trang, ngày 19 tháng 04 năm 2010

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Bùi Quang Hùng